

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Huyền
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
CẢNH DŨNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Huyền
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Huyền

Mã SV:1312401118

Lớp: QT1702K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cảnh Dững

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán trong doanh nghiệp	3
1.1.1. Các phương thức thanh toán trong doanh nghiệp	3
1.1.1.1. Thanh toán bằng tiền mặt	3
1.1.1.2. Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.....	3
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua.....	7
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.....	7
1.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.....	8
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp).....	11
1.3.1. Nguyên tắc kế toán.....	11
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.....	13
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	17
1.4.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán.....	17
1.4.1.1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp.	17
1.4.1.2. Các loại tỷ giá hối đoái (sau đây gọi là tỷ giá) sử dụng trong kế toán..	17
1.4.1.3. Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:	18
1.4.1.4. Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán.....	19
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán liên quan đến ngoại tệ	20
15. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kết toán	22
1.5.1. Hình thức nhật ký chung	22
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật Ký- Sổ Cái.	23
1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ	24
1.5.4. Hình thức kế toán trên máy tính.....	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG	27
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán các khoản thanh toán tại Công ty TNHH Cảnh Dũng.....	27

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Cảnh Dũng	27
2.1.2. Đặc điểm hàng hóa, tổ chức kinh doanh tại Công ty TNHH Cảnh Dũng	28
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý chung tại Công ty TNHH Cảnh Dũng	28
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Cảnh Dũng	30
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán:	30
2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Cảnh Dũng	32
2.1.5. Đặc điểm về phương thức và hình thức thanh toán tại Công Ty TNHH Cảnh Dũng.....	33
2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Cảnh Dũng	33
2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.....	33
2.2.2. Kế toán chi tiết thanh toán với người mua	34
2.2.3. Kế toán tổng hợp thanh toán với người mua	47
2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp) tại Công ty TNHH Cảnh Dũng	51
2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.....	51
2.3.2. Kế toán chi tiết thanh toán với người bán	51
2.3.3. Kế toán tổng hợp thanh toán với người bán	64
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG	72
3.1. Đánh giá thực trạng công yacs kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Cảnh Dũng.	72
3.1.1. Ưu điểm.....	72
3.1.2. Hạn chế.....	73
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán	74
3.3. Yêu cầu và phương pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán.	74
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại Công ty TNHH Cảnh Dũng.....	75
3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán tại Công ty TNHH Cảnh Dũng	75

3.4.2. Kiến nghị 2: Về chế độ kế toán áp dụng	79
3.4.3. Kiến nghị 3: Hoàn thiện chính sách về chiết khấu thanh toán.....	81
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Cảnh Dũng.....	83
3.5.1. Về phía nhà nước	83
3.5.2. Về phí doanh nghiệp	83
KẾT LUẬN	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán thanh toán với người mua	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái với người mua phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính).....	21
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người bán phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính)	
Sơ đồ 1.4: Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản thanh toán cuối năm tài chính của hoạt động SXKD	21
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật Ký Chung	23
Sơ Đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái	24
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	25
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy	26
Sơ đồ: 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý chung tại Công ty TNHH Cảnh Dũng ...	28
Sơ Đồ: 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Cảnh Dũng.....	31
Sơ đồ: 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung tại Công Ty TNHH Cảnh Dũng	33
Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán	82

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH Cảnh Dững.....	28
Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT 0000342.....	35
Biểu 2.2: Giấy báo có.....	36
Biểu số 2.3: Sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	37
Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT0000451.....	39
Biểu số 2.5: Giấy báo có.....	40
Biểu số 2.6: Sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	41
Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT0000709.....	43
Biểu Số 2.8: Phiếu Thu.....	44
Biểu Số 2.9: Giấy Báo Có.....	45
Biểu Số 2.10: Sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	46
Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật Ký Chung năm 2016.....	48
Biểu số 2.12: Sổ Cái TK 131.....	49
Biểu số 2.13: Tổng hợp phải thu người mua.....	50
Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT0000156.....	52
Biểu Số 2.15: Ủy nhiệm chi.....	53
Biểu Số 2.16: Sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	54
Biểu số 2.17: Hóa đơn GTGT 0000344.....	56
Biểu số 2.18: Ủy nhiệm chi.....	57
Biểu số 2.19: Sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	58
Biểu số 2.20: Hóa đơn GTGT0000277.....	60
Biểu số 2.21: PC014.....	61
Biểu 2.22: Ủy nhiệm chi.....	62
Biểu số 2.23: Sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	63
Biểu số 2.24: Trích sổ Nhật ký Chung năm 2016.....	65
Biểu số 2.25: Sổ Cái TK 331.....	66
Biểu số 2.26: Sổ tổng hợp phải trả người bán.....	67
Biểu số 2.27: Bảng cân đối TK (trích số liệu năm 2016 của Công ty TNHH Cảnh Dững).....	68
Biểu số 2.28: Bảng cân đối kế toán (Trích số liệu năm 2015 của Công ty TNHH Cảnh Dững).....	69

DANH MỤC HÌNH

Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015	76
Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán máy VACOM.....	77
Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015	78

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Để có thể đứng vững trước những cạnh tranh khốc liệt, các doanh nghiệp Việt Nam có những bước chuyển biến mạnh mẽ cả về hình thức, quy mô lẫn hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhưng dù có phát triển đến mức nào, ở các loại hình doanh nghiệp đi chăng nữa thì doanh nghiệp cũng phải chú ý đến hiệu quả kinh doanh đó là điều cơ bản để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới, đã mở ra cho doanh nghiệp rất nhiều cơ hội cũng như nhiều thách thức lớn.

Một doanh nghiệp dù có quy mô lớn, nhỏ cũng luôn gắn mình trong nhiều mối quan hệ, từ quan hệ với các đối tác, quan hệ với các cơ quan đoàn thể Nhà nước cho đến các quan hệ trong chính nội bộ của doanh nghiệp đó. Trong đó bao gồm quan hệ với các đối tác có thể là các giao dịch buôn bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, cung ứng nguyên vật liệu, quan hệ với các cơ quan nhà nước thể hiện ở nhiều lĩnh vực như pháp luật, các chính sách, chế độ, nghĩa vụ đóng thuế theo các quy định của pháp luật. Trong thời kỳ kinh tế khó khăn như hiện nay, lạm phát tăng cao, tỷ giá hối đoái tăng, tình hình kinh tế không mấy khả quan. Tuy nhiên bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng tồn tại hai quá trình mua hàng và bán hàng, khi đã phát sinh quan hệ mua bán sẽ phát sinh những các nghiệp vụ phải thu và phải trả. Mặt khác nghiệp vụ thanh toán liên quan với các nghiệp vụ quỹ và nghiệp vụ tạo vốn. Đối với công ty TNHH Cảnh Dũng thì yếu tố này lại càng quan trọng hơn. Là một công ty hoạt động kinh doanh chính là xăng dầu, do đó giải quyết tốt vấn đề công nợ là một các tích cực để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh phát triển. Vì vậy, kế toán thanh toán luôn được xác định là khâu quan trọng của công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán thanh toán và dựa trên cơ sở kiến thức tích lũy được trong thời gian học tập ở trường cùng với sự giúp đỡ của giáo viên Nguyễn Đức Kiên và những hiểu biết thu nhập được trong quá trình thực tập tại công ty TNHH Cảnh Dũng, được sự giúp đỡ tạo điều kiện của phòng kế toán. Em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cảnh Dũng”** làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp
- Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cảnh Dũng
- Đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cảnh Dũng

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Cảnh Dũng
- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu tại công ty TNHH Cảnh Dũng

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối)

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận gồm 3 chương.

Chương 1: Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Cảnh Dũng

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Cảnh Dũng

Chương 3: Một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại công ty TNHH Cảnh Dũng

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA,
NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP****1.1 Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán trong doanh nghiệp**

Để hoàn tất một khâu giao dịch mua hàng thì việc quan trọng nhất là thanh toán. Khi có giao dịch phát sinh thì hai bên phải đồng thời thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó. Nếu như trước đây, hình thức thanh toán chính là thanh toán bằng tiền mặt thì bây giờ với sự phát triển của công nghệ và xu hướng các doanh nghiệp hạn chế việc sử dụng tiền mặt trong lưu thông thì các hình thức thanh toán được sử dụng phổ biến bằng thẻ và thanh toán bằng phương thức chuyển khoản.

*1.1.1. Các phương thức thanh toán trong doanh nghiệp**1.1.1.1. Thanh toán bằng tiền mặt*

- Thanh toán bằng tiền mặt là một tổ chức hay một cá nhân sử dụng tiền mặt để trực tiếp chi trả hoặc thực hiện các nghĩa vụ trả tiền khác trong các giao dịch thanh toán.
- Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hiện nay không được các doanh nghiệp sử dụng nhiều, chủ yếu áp dụng cho các giao dịch phát sinh số tiền dưới 20 triệu đồng, nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa 2 bên hẹp.
- Các phương thức thanh toán bằng tiền mặt:
 - Thanh toán bằng Việt nam đồng
 - Thanh toán bằng ngoại tệ
 - Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, hoặc giấy tờ có giá trị như tiền.

1.1.1.2. Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt

- Thanh toán không dùng tiền mặt là phương thức thanh toán hàng hóa và dịch vụ không phát sinh sự chuyển giao tiền mặt giữa các chủ thể thanh toán. Những phương thức thanh toán không dùng tiền mặt phổ biến như trên thế giới hiện nay bao gồm: thanh toán bằng ủy nhiệm thu (chi), séc, nhờ thu, tín dụng chứng từ
- a) Phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm thu (chi)
 - Ủy nhiệm thu là giấy ủy nhiệm đòi tiền do người thụ hưởng lập và gửi vào ngân hàng phục vụ mình để nhờ thu hộ số tiền theo lượng hàng hóa đã giao dịch vụ đã cung ứng cho người mua.

- Ủy nhiệm chi là lệnh chi tiền của chủ tài khoản được lập theo mẫu in sẵn của Ngân hàng yêu cầu Ngân hàng phục vụ mình (nơi mở tài khoản tiền gửi) trích tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng
- Đây là phương thức thanh toán có thủ tục đơn giản và tiện lợi cho doanh nghiệp. Các chứng từ kế toán xuất hiện trong phương thức này gồm có: ủy nhiệm thu (chi), Giấy báo nợ (có).

b) Phương thức thanh toán bằng Séc.

- Séc là lệnh trả tiền vô điều kiện của người phá hành lập trên mẫu in sẵn do NHNN Việt Nam quy định, yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trích một số tiền từ tài khoản tiền gửi của mình để trả cho người thụ hưởng có tên ghi trên séc hoặc trả cho người cầm séc.
- Séc được dùng để thanh toán trực tiếp tiền hàng hóa, dịch vụ giữa người mua (người chi trả) và người bán (người thụ hưởng), nộp thuế trả nợ... hoặc để rút tiền mặt tại các chi nhánh Ngân hàng. Tất cả khách hàng mở tài khoản tại Ngân hàng đều có quyền sử dụng séc để thanh toán. Trong hình thức thanh toán bằng séc, việc trả tiền do người trả tiền khởi xướng và kết thúc bằng việc ghi số tiền trên tờ séc vào tài khoản của người nhận tiền.
- Một tờ séc đủ điều kiện thanh toán phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:
 - Tờ séc phải có đủ các yếu tố và nội dung quy định, không bị tẩy xóa, sửa chữa, số tiền bằng chữ và bằng số phải khớp nhau.
 - Được nộp trong thời hạn hiệu lực thanh toán.
 - Không có lệnh đình chỉ thanh toán.
 - Chữ ký và dấu (nếu có) của người phát hành séc phải khớp đúng với mẫu đã đăng ký tại ngân hàng.
 - Không ký phát hành séc vượt quá thẩm quyền quy định tại văn bản ủy quyền.
 - Tài khoản tiền gửi của Chủ tài khoản đủ số dư để thanh toán.
 - Các chữ ký chuyển nhượng (đối với séc ký danh) phải liên tục.

Ở Việt Nam hiện nay, séc có nhiều loại nhưng séc dùng trong hoạt động kinh doanh thương mại gồm có: séc chuyển khoản và séc báo chi.

c) Phương thức thanh toán nhờ thu:

- Phương thức nhờ thu là một phương thức thanh toán trong đó người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng một dịch vụ cho khách hàng ủy thác cho ngân hàng của mình thu hộ số tiền ở người mua trên cơ sở hối phiếu của người bán lập ra.

- Các bên tham gia phương thức nhờ thu
 - Người bán tức là người hưởng lợi
 - Ngân hàng bên bán là ngân hàng nhận sự ủy thác của người bán
 - Ngân hàng bên đại lý của ngân hàng bên bán là ngân hàng ở người người mua
 - Người mua tức là người trả tiền
- Trên thực tế có hai loại nhờ thu là nhờ thu trơn và nhờ thu kèm chứng từ.
 - Phương thức nhờ thu phiếu trơn là trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua căn cứ vào hối phiếu do mình lập ra, còn chứng từ thì gửi thẳng cho người mua không qua hãng hàng
 - Phương thức nhờ thu kèm chứng từ là trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua không những căn cứ vào hối phiếu mà còn căn cứ vào bộ chứng từ gửi hàng kèm theo với điều kiện là nếu người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền hối phiếu thì ngân hàng mới trao bộ chứng từ gửi hàng cho người mua để nhận hàng
- Bộ chứng từ sử dụng trong phương thức thanh toán nhờ thu: Hối phiếu, Hóa đơn, Vận đơn, Bảng kê chi tiết

d) Phương thức tín dụng chứng từ.

- Phương thức tín dụng chứng từ là phương thức thanh toán, trong đó theo yêu cầu của khách hàng, một ngân hàng sẽ phát hành một bức thư (gọi là thư tín dụng- letter of credit- L/C) cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong thư tín dụng.
- Các bên tham gia trong phương thức tín dụng chứng từ

Người xin mở thư tín dụng là người mua, người nhập khẩu hàng hóa hoặc người mua ủy thác cho người khác

Ngân hàng mở thư tín dụng là ngân hàng đại diện cho người nhập khẩu, nó cấp tín dụng cho người nhập khẩu

Người hưởng lợi thư tín dụng là người bán, người xuất khẩu hay bất cứ người nào khác mà người hưởng lợi chỉ định

Ngân hàng thông báo thu tín dụng là ngân hàng ở nước người hưởng lợi.

- Có rất nhiều cách phân biệt loại thư tín dụng. Tùy theo từng tiêu thức khác nhau người ta có thể phân loại khác nhau.

- Theo loại hình người ta có thể chia làm hai loại là L/C có thể hủy ngang và L/C không hủy ngang
 - L/C có thể hủy ngang: Đây là loại L/C mà người yêu cầu mở có toàn quyền đề nghị Ngân hàng phát hành sửa đổi, bổ xung hoặc hủy bỏ nó mà không cần báo trước cho người hưởng lợi biết (Đương nhiên là việc hủy bỏ phải được thực hiện trước khi L/C thanh toán).
 - L/C không thể hủy ngang: Đây là loại L/C mà sau khi mở thì mọi việc liên quan đến sửa đổi, bổ xung hoặc hủy bỏ nó Ngân hàng phát hành chỉ có thể tiến hành trên cơ sở có sự thỏa thuận của các bên có liên quan. Vì thế quyền lợi của người bán được đảm bảo. Tuy nhiên L/C không thể hủy ngang không có nghĩa không thể hủy bỏ. Trong trường hợp các bên đồng ý hủy bỏ L/C thì nó được công nhận là không còn giá trị thực hiện. Đây là loại L/C được sử dụng nhiều nhất trong thương mại quốc tế hiện nay,
- Ưu nhược điểm của phương thức tín dụng chứng từ.
 - Ưu điểm:
 - Đối với người mua.

Phương thức thanh toán L/C giúp người mua có thể mở rộng nguồn cung cấp hàng hóa cho mình mà không phải tốn thời gian, công sức trong việc tìm đối tác uy tín và tin cậy. Bở lẽ, hầu hết các giấy tờ chứng từ đều được Ngân hàng đối tác kiểm tra và chịu trách nhiệm hoàn toàn về sai sót này. Người mua được đảm bảo về mặt tài chính rằng bên bán giao hàng thì mới phát trả tiền hàng. Ngoài ra, các khoản ký quỹ mở L/C cũng được hưởng lãi theo quy định.

- Đối với người bán.

Người bán hoàn toàn được đảm bảo thanh toán với bộ chứng từ hợp lệ. Việc thanh toán không phụ thuộc vào nhà nhập khẩu. Người bán sau khi giao hàng tiến hành lập bộ chứng từ phù hợp với các điều khoản của L/C sẽ được thanh toán bất kỳ trường hợp người mua không có khả năng thanh toán. Do vậy, nhà xuất khẩu sẽ thu hồi vốn nhanh chóng, không bị ứ đọng vốn trong thời gian thanh toán.

- Đối với ngân hàng phát hành

Thực hiện nghĩa vụ thanh toán này, Ngân hàng thu được các khoản phí thủ tục, người ra ngân hàng còn thu hút được một khoản tiền khá lớn (khi có ký quỹ). Khi thực hiện nghiệp vụ này, ngân hàng còn thực hiện được một số nghiệp

vụ khác như cho vay xuất khẩu, bảo lãnh, xác nhận, mua bán ngoại tệ... Hơn nữa, thông qua nghiệp vụ này uy tín và vai trò của ngân hàng trên thị trường tài chính quốc tế được củng cố và mở rộng.

• Nhược điểm.

Có thể nói thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ là hình thức thanh toán an toàn và phổ biến nhất trong thương mại quốc tế hiện nay. Hình thức này có nhiều ưu việt hẳn các hình thức thanh toán quốc tế khác. Tuy nhiên nó cũng không tránh khỏi những nhược điểm.

Nhược điểm lớn nhất của hình thức thanh toán này là quy trình thanh toán rất tỷ mỉ, máy móc, các bên tiến hành đều rất thận trọng trong khâu lập và kiểm tra chứng từ. Chỉ cần có một sai sót nhỏ trong việc lập và kiểm tra chứng từ cũng là nguyên nhân để từ chối thanh toán. Đối với ngân hàng phát hành, sai sót trong việc kiểm tra chứng từ cũng dẫn đến hậu quả rất lớn.

Với các phương thức thanh toán quốc tế đề cập ở trên, việc lựa chọn phương thức nào trong hoạt động thanh toán quốc tế cũng là một vấn đề hết sức quan trọng đối với các ngân hàng thương mại. Hiện nay, các ngân hàng thương mại Việt Nam thực hiện hầu hết các hình thức trên. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tế khách quan cũng như ưu nhược điểm của từng phương thức mà phương thức thanh toán theo tín dụng chứng từ hiện là phương thức thanh toán phổ biến tại ngân hàng thương mại Việt Nam.

- Bộ chứng từ trong hình thức thanh toán này bao gồm: Giấy đề nghị mở thư tín dụng, Hóa đơn, Vận đơn, Chứng nhận xuất xứ hàng hóa, Chứng nhận chất lượng hàng hóa...

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua.

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.

Các khoản phải thu khách hàng là các khoản nợ phải thu của công ty với khách hàng về giá trị hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp nhưng chưa thu tiền. Để theo dõi kịp thời chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản

phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

- Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.
- Đối với các đối tượng có quan hệ giao dịch, mua bán thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán cần kiểm tra đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số cần thanh toán, và có xác nhận bằng văn bản.
- Đối với các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ cần theo dõi cả về nguyên tệ trên các tài khoản chi tiết và quy đổi theo đồng tiền Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.
- Đối với các khoản nợ phải thu bằng vàng, bạc, đá quý, cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ điều chỉnh số dư theo giá thực tế. Cần phân loại các khoản nợ phải thu theo thời gian thanh toán cũng như theo từng đối tượng có nghi ngờ để có kế hoạch, biện pháp thanh toán và thu hồi vốn phù hợp. không bù trừ công nợ giữa các nhà cung cấp, giữa các khách hàng mà phải căn cứ trên sổ chi tiết để lấy số liệu lập bảng cân đối cuối kỳ

1.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

a) Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng (hoặc hóa đơn VAT)
- Giấy nhận nợ do khách hàng lập
- Chứng từ thu tiền: phiếu thu (nếu thu bằng tiền mặt), giấy báo có...

b) Sổ sách kế toán:

- Sổ chi tiết TK 131
- Sổ cái TK 131
- Sổ tổng hợp phải thu khách hàng

c) Tài khoản sử dụng:

- TK 131- Phải thu khách hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XD/CB với người giao thầu về khối lượng công

tác XDCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

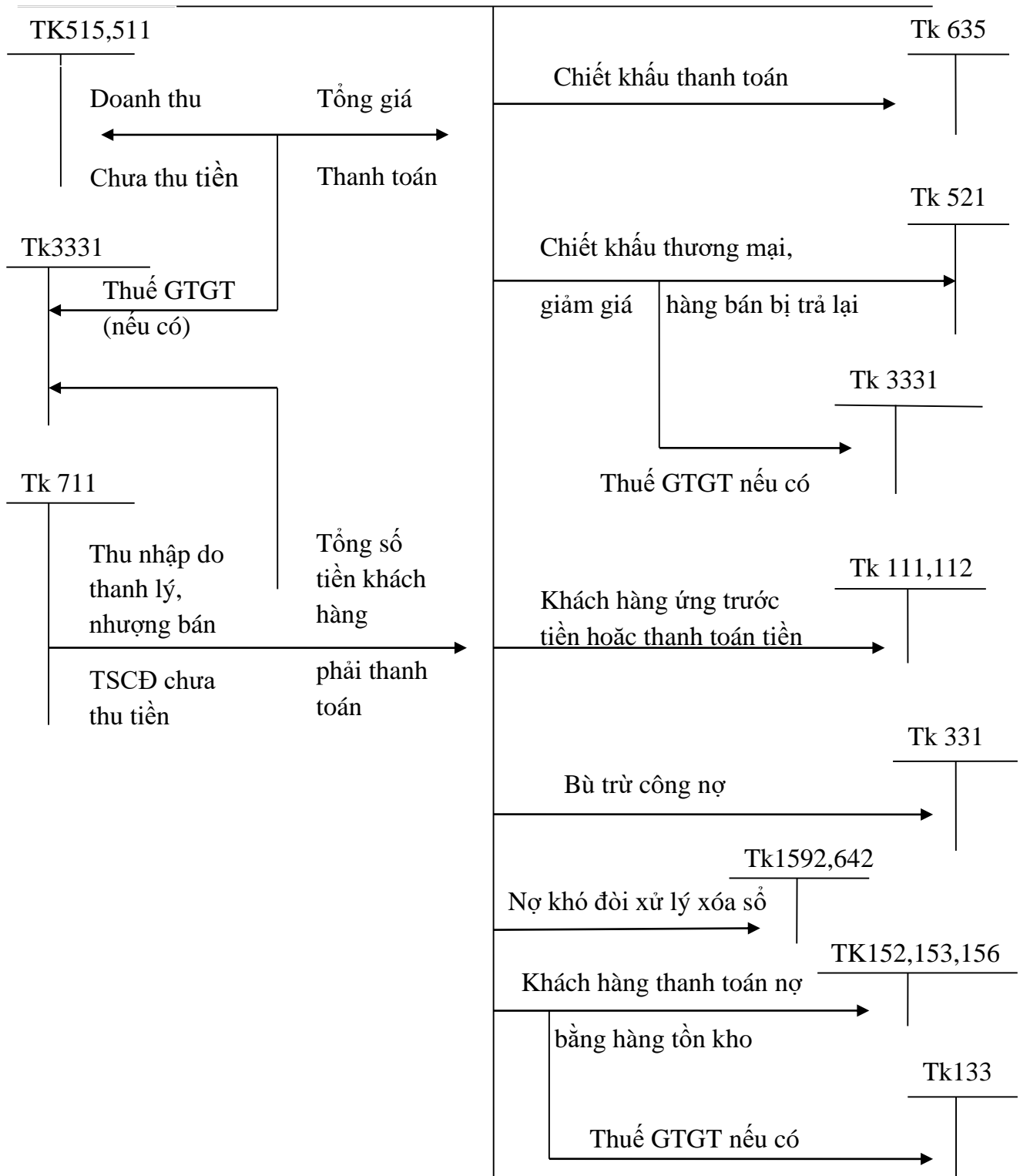
d) Kết cấu và nội dung TK 131 (Phải thu của khách hàng)

TK 131- Phải thu của khách hàng

Nợ	TK 131	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính. - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng. - Đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng cao so với tỷ giá ghi sổ kế toán). 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải thu của khách hàng đã trả nợ. - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng. - Khoản giảm giá hàng bán trừ vào nợ phải thu của khách hàng. - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT). - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua. - Đánh giá lại các khoản thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá ghi sổ kế toán). 	
<ul style="list-style-type: none"> - Số dư bên Nợ: Số tiền còn phải thu của khách hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số dư bên có: Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “Tài Sản” và bên “Nguồn Vốn”. 	

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.

TK 131- Phải thu của khách hàng



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán thanh toán với người mua

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp)

1.3.1. Nguyên tắc kế toán

- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.
- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.
- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán,
- Khi hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải hạch toán chi tiết, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp người hóa đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

- Chứng từ:
 - + Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng.
 - + Phiếu chi (thanh toán bằng tiền mặt)
 - + Giấy báo nợ (thanh toán bằng chuyển khoản)
 - + Biên bản đối trừ công nợ
- Sổ sách kế toán:
 - + Sổ chi tiết thanh toán với người bán (TK331)
 - + Sổ cái TK331
 - + Sổ tổng hợp thanh toán với người bán
 - Tài khoản sử dụng: TK331- Phải trả người bán

- Kết cấu tài khoản:

TK 331- Phải trả người bán

Nợ

Có

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.
- Số tiền ứng trước cho người bán người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán.
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Đánh giá các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá ghi sổ kế toán).

-Số dư nợ (nếu có): số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo từng chi tiết của từng đối tượng

- Số dư bên Có: Số tiền còn phải trả cho người bán hàng, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

- Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu TK331
- a) Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc mua TSCĐ.
- Trường hợp mua trong nội địa.
 - + Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.
 - Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211 (giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Có TK331- Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán)
 - + Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).
 - Trường hợp nhập khẩu:
 - + Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, Thuế NK, Thuế BVMT (nếu có).
 - Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán
 - Có TK 3332 – Thuế TTĐB (Nếu có)
 - Có TK 3333 – Thuế nhập khẩu
 - Có TK 33381 – Thuế bảo vệ môi trường.
 - + Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:
 - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33312)
- b) Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:
- Trường hợp mua trong nội địa:
 - + Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:
 - Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).
 - + Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)
 - Trường hợp nhập khẩu:

+ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, Thuế BVMT (nếu có).

- Nợ TK 611 – Mua hàng.
 - Có TK331 – Phải trả cho người bán
 - Có TK 3332 – Thuế TTĐB (nếu có)
 - Có TK 3333 – Thuế nhập khẩu
 - Có TK 33381 – Thuế bảo vệ môi trường (nếu có)

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

- Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (33312)

c) Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây dựng, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hóa đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

- Nợ TK 241 – XD CB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)
- Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán)

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XD CB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

d) Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp:

- Nợ TK 331 – Phải trả người bán
 - Có các TK 111, 112, ...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XD CB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XD CB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

- Nợ TK331 – Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

- Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)
 - Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)
 - Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).
- e) Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ:
 - Nợ các TK 111, 112, ...
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán.
- f) Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hóa, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:
 - Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:
 - Nợ TK 156 – Hàng hóa (1562)
 - Nợ TK 241 – XDCB dở dang
 - Nợ TK 242 – Chi phí trả trước
 - Nợ các TK 627, 642, ...
 - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán)
 - Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).
- g) Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hóa doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp:
 - Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán
 - Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
- h) Trường hợp vật tư, hàng hóa mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán,
 - Nợ TK331- Phải trả cho người bán
 - Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)
 - Có các TK 152, 153, 156, 611, ...
- i) Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi vào được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp.
 - Nợ TK 331- Phải trả cho người bán
 - Có TK 711 – Thu nhập khác,

- j) Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nhiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ.
- Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)
 - Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán (tổng số tiền cần phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).
- k) Trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng.
- Khi nhận hàng hóa bán đại lý, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.
 - Khi bán hàng nhận đại lý ghi.
 - Nợ các TK 111, 112, 131, ... (tổng giá thanh toán)
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán (giá giao bán đại lý và thuế)
- Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã xuất bán trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính
- Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng về bán hàng đại lý.
 - Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán
 - Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)
 - Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý ghi.
 - Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán (giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)
 - Có TK 111, 112, ...
- l) Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao ủy thác nhận khẩu:
- Khi trả trước một khoản tiền ủy thác mua hàng theo hợp đồng ủy thác nhận khẩu cho đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu mở LC...Căn cứ các chứng từ liên quan.
 - Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận ủy thác)
 - Có TK 111, 112, ...

- Khi nhận hàng ủy thác nhập khẩu do bên nhận ủy thác giao trả, kế toán thực hiện đối với hàng nhập khẩu thông thường.
- Khi trả tiền cho đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ vào các chứng từ liên quan.
 - Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận ủy thác)
 - Có TK 111, 112, ...
- Phí ủy thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận ủy thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan.
 - Nợ TK: 151, 152, 156, ...
 - Nợ TK: 133 – Thuế GTGT được khấu trừ
 - Có TK 331 – Phải trả cho người bán (chi tiết từng đơn vị nhận ủy thác).
- Việc thanh toán nghĩa vụ thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của TK 333 – Thuế và khoản phải nộp Nhà nước.
- Đơn vị nhận ủy thác không sử dụng tài khoản này để phản ánh các nghiệp vụ thanh toán ủy thác mà phản ánh qua các TK 138 và 338.

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1. Tỷ giá và quy định về tỷ giá sử dụng trong kế toán

1.4.1.1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp.

- Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ.
- Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

1.4.1.2. Các loại tỷ giá hối đoái (sau đây gọi là tỷ giá) sử dụng trong kế toán

- Các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam, hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế:

+ Tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán và nộp thuế), doanh nghiệp thực hiện theo các quy định của pháp luật về thuế.

1.4.1.3. Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

a) Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong trường hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại:

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

b) Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi

doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch nội bộ.
- Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ gồm:
 - + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động (Tỷ giá bình quân gia quyền sau từng lần nhập).
- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được các định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.
- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

1.4.1.4. Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán

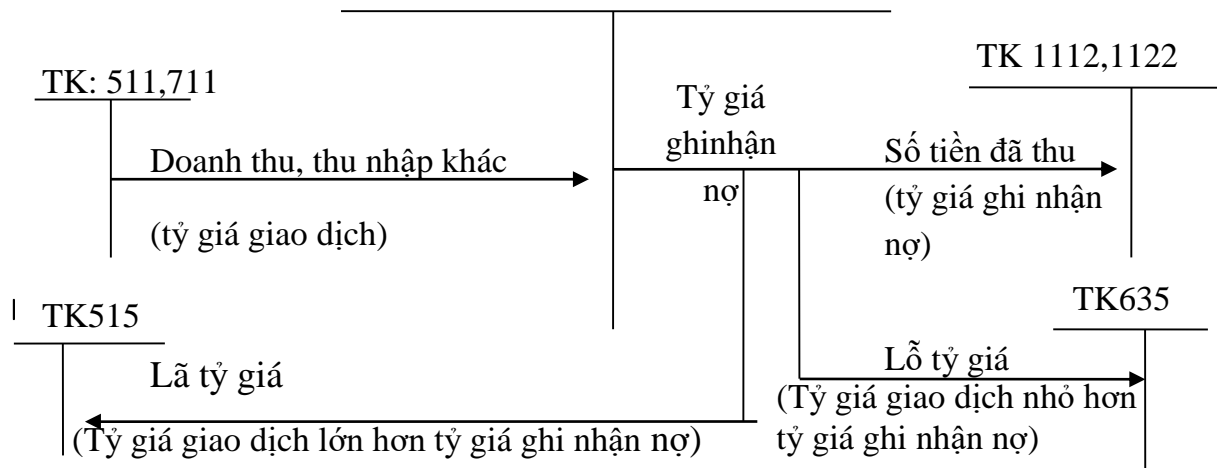
- a) Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:
 - Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).
 - Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí trả trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận chi phí).

- Các tài khoản phản ánh tài sản. riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).
 - Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
 - Bên Nợ các TK phải thu, Bên Nợ các TK vốn bằng tiền, Bên Bợ các TK phải trả trước khi phát sinh giao dịch trả trước tiền cho người bán.
 - Bên Có các TK phải trả, Bên Có các TK phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
- b) Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
- Bên Có các TK phải thu (ngoại trừ giao dịch nhận trước tiền của người mua). Bên Nợ TK phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu. Bên Có các TK ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.
 - Bên Nợ các TK phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán). Bên Có TK phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.
 - Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.
- c) Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền.

1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán liên quan đến ngoại tệ

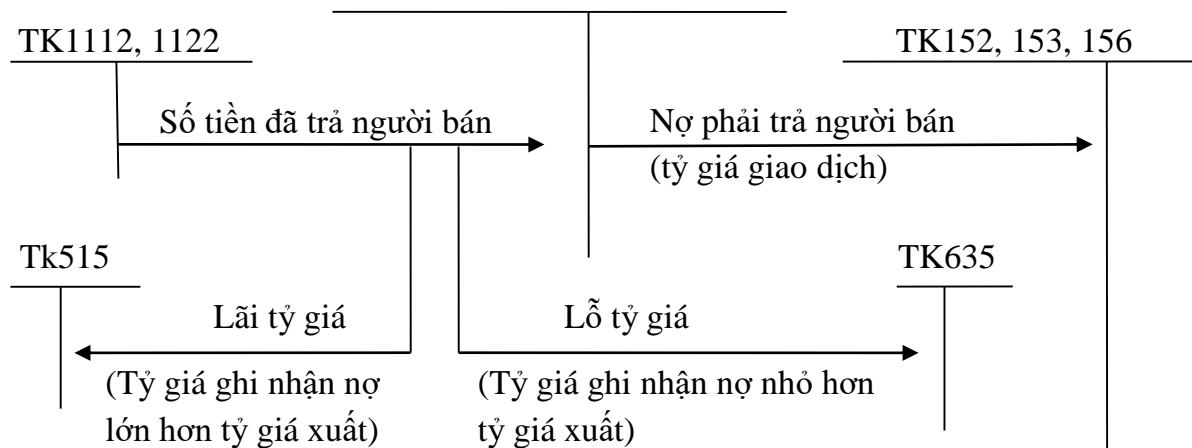
- Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán liên quan đến ngoại tệ thể hiện qua các sơ đồ như sau:

TK131: Phải thu của khách



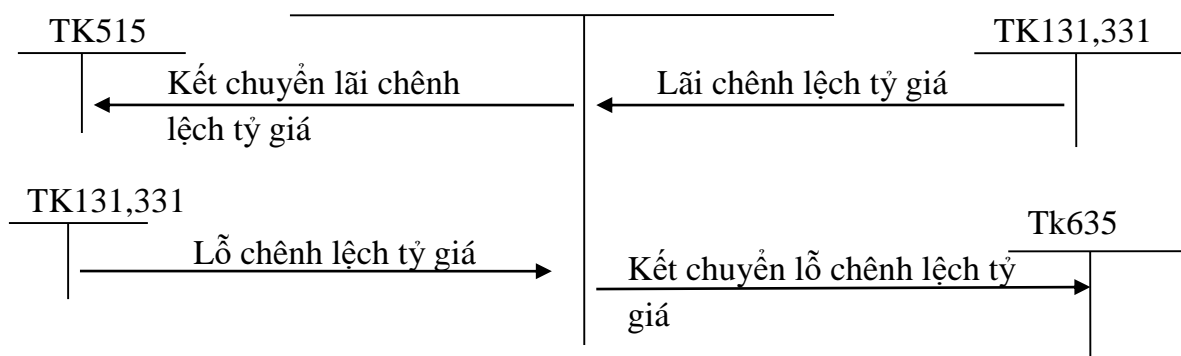
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái với người mua phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính)

TK331: Phải trả người bán



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái thanh toán với người bán phát sinh trong giai đoạn hoạt động SXKD (trong năm tài chính)

TK413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái



Sơ đồ 1.4: Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản thanh toán cuối năm tài chính của hoạt động SXKD

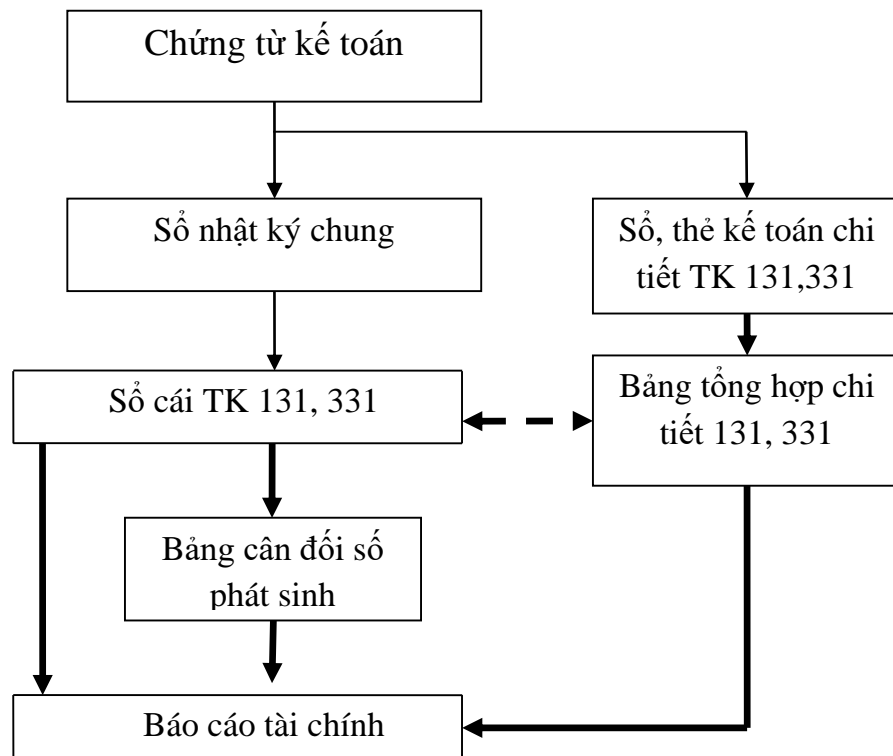
- Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm cuối cùng năm tài chính, có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái. Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và của hoạt động kinh doanh. Đối với doanh nghiệp đầu tư XDCBB tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm được phản ánh vào Nợ hoặc có TK 413 cho đến thời điểm hoàn thành đầu tư xây dựng, bàn giao công trình vào sử dụng sẽ được kết chuyển ngay toàn bộ hoặc phân bổ dần vào có TK515 hoặc nợ TK635 trong thời gian tối đa không quá 5 năm.

1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kết toán

- Công tác kế toán ở các đơn vị bao giờ cũng xuất phát từ chứng từ gốc và kết thúc bằng hệ thống báo cáo kế toán thông qua quá trình ghi chép, theo dõi, tính toán và xử lý số liệu trong hệ thống sổ kế toán.
- Việc quy định phải mở những loại sổ kế toán nào để phản ánh các đối tượng của kế toán, kết cấu của từng loại sổ, trình tự, phương pháp ghi sổ và mối liên hệ giữa các loại sổ nhằm đảm bảo vai trò, chức năng và nhiệm vụ của kế toán được gọi là hình thức kế toán.
- Theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC thì hình thức sổ kế toán bao gồm các hình thức sau:
 - + Hình thức kế toán Nhật ký chung;
 - + Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái;
 - + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
 - + Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.5.1. Hình thức nhật ký chung

- Hình thức theo nhật ký chung sử dụng cho hầu hết các loại hình doanh nghiệp sản xuất – thương mại – dịch vụ - xây dựng có quy mô vừa và nhỏ. Theo hình thức kế toán NKC tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy các số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ các theo từng nghiệp vụ phát sinh.



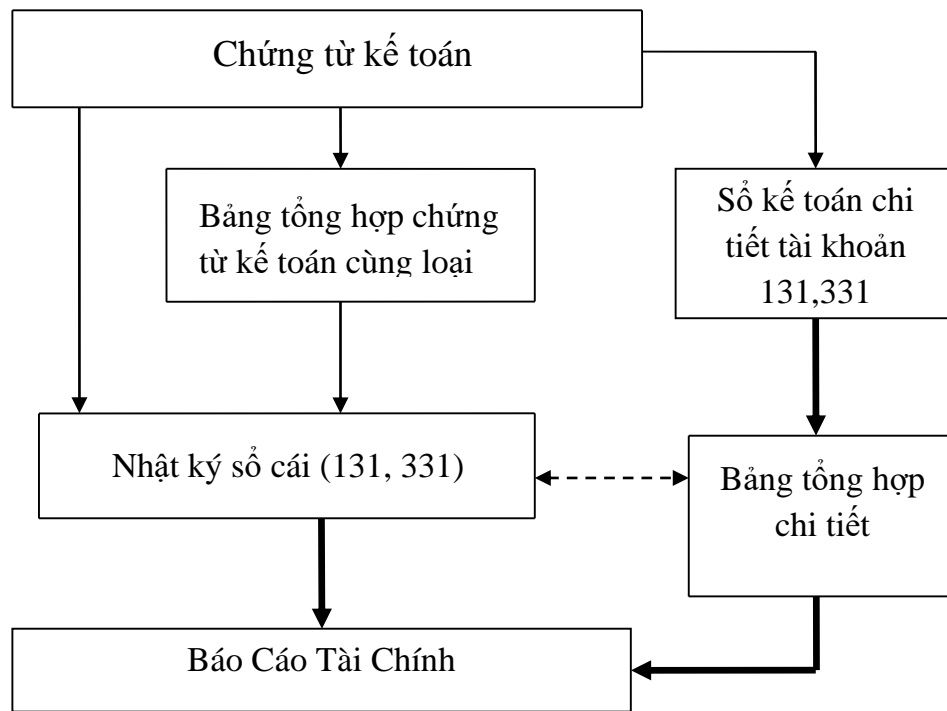
- Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- > : Ghi cuối tháng
- ← - - - -> : Đối chiếu

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật Ký Chung

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật Ký- Sổ Cái.

- Hình thức nhật ký sổ cái thường được vận dụng trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, sử dụng ít tài khoản kế toán.
- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Nhật ký – Sổ Cái;
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

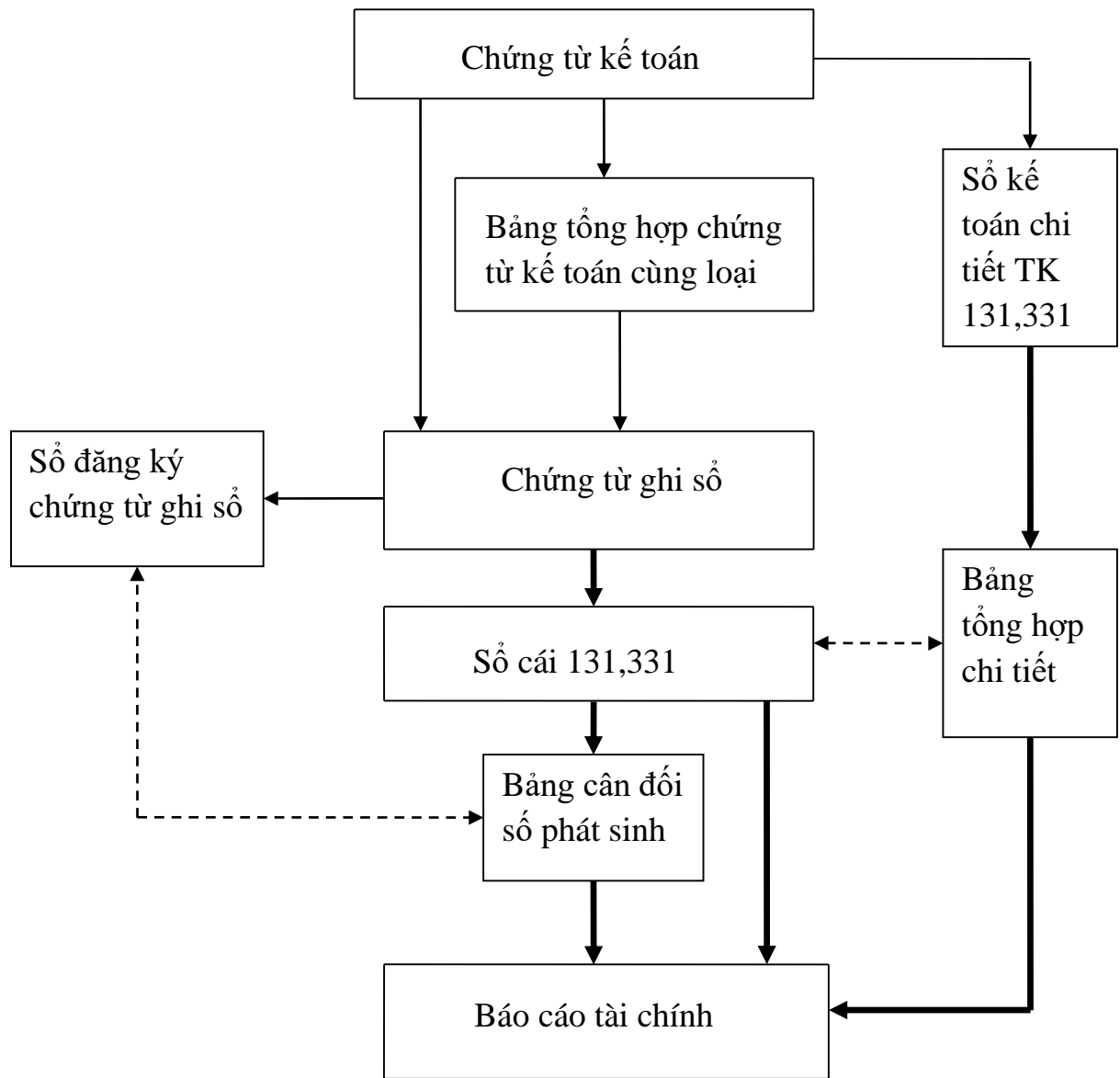


- Ghi chú:
- : Ghi hàng ngày
- : Ghi cuối tháng
- ←- - - - -> : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ Đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái

1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ

- Hình thức này áp dụng cho những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn. Sử dụng nhiều lao động kế toán và số lượng lớn các Tài khoản kế toán được sử dụng.
- Theo hình thức chứng từ ghi sổ tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên chứng từ kế toán đều được phân loại, tổng hợp và lập chứng từ ghi sổ. Dựa vào số liệu ghi trên Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ Đăng Ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian và ghi vào Sổ Cái theo nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



- Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày

—————> : Ghi cuối tháng

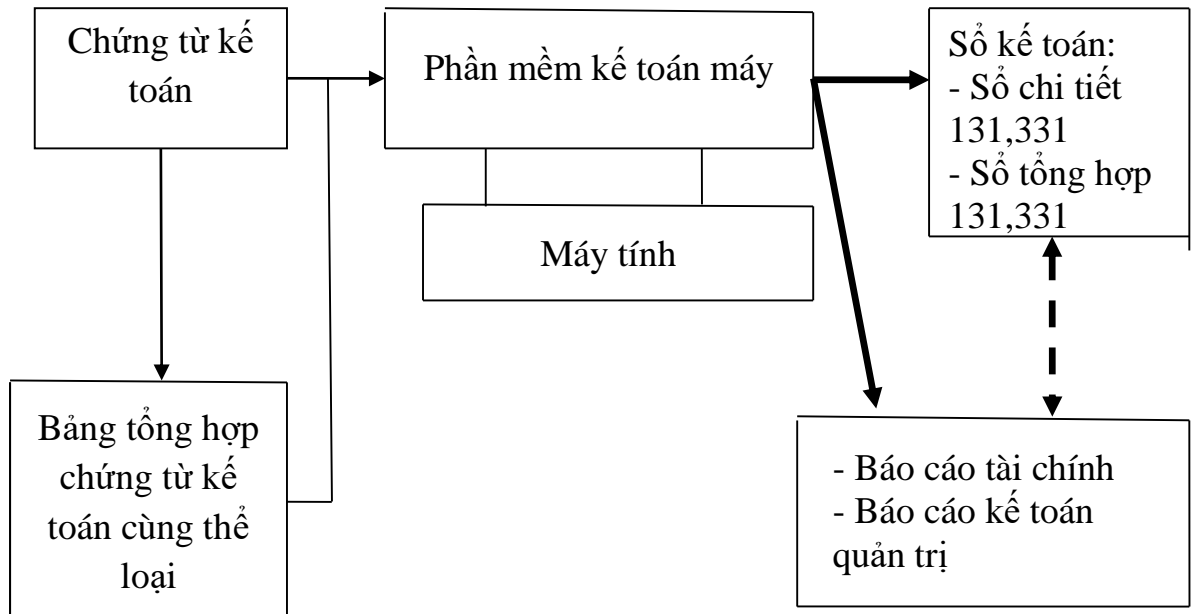
←-----> : Đối chiếu

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

1.5.4. Hình thức kế toán trên máy tính

- Theo hình thức này công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kế toán các hình thức kế

toán quy định đã trình bày ở trên. Tuy nhiên phần mềm kế toán không hiển thực đầy đủ quy định sổ kế toán.



- Ghi chú
- > : Ghi hàng ngày
- > : Ghi cuối tháng
- ← - - - -> : Đối chiếu

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự ghi sổ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán các khoản thanh toán tại Công ty TNHH Cảnh Dũng.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Cảnh Dũng

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG
- Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG
- Loại hình doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH
- Địa chỉ: Số 5, khu chung cư Thanh Toàn, thôn Vinh Khê, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng.
- Tel: 0313.781.056
- Mã số thuế: 0201384677
- Ngành nghề chính:
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Buôn bán nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Chủ sở hữu: Vũ Hữu Sơn

Với tình hình phát triển trong những năm gần đây Hải Phòng đang rất phát triển nhờ vị trí chiến lược bậc nhất tại khu vực phía Bắc Việt Nam, có vị trí giao thông thuận tiện về đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không như nối liền với đường quốc lộ 5B (đường cao tốc Hải Phòng – Hà Nội) đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển mạng lưới dinh doanh xăng dầu trên địa bàn thành phố nhằm thúc đẩy việc luân chuyển hàng hóa xuất khẩu đến các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam và thế giới. Do đó, Công ty TNHH Cảnh Dũng được thành lập ngày 24/02/2014. Công ty phải cạnh tranh gay gắt về thị trường và dịch vụ trong nước bởi số lượng các công ty khác đang tăng mạnh trong những năm gần đây. Tập thể công ty đã định hướng và tiếp tục kiên trì định hướng phát triển với ngành nghề mà công ty đang theo đuổi. Với nhiều biện pháp cụ thể đồng bộ nên trong 3 năm qua công ty đã hoàn thành toàn diện vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu.

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH Cảnh Dững

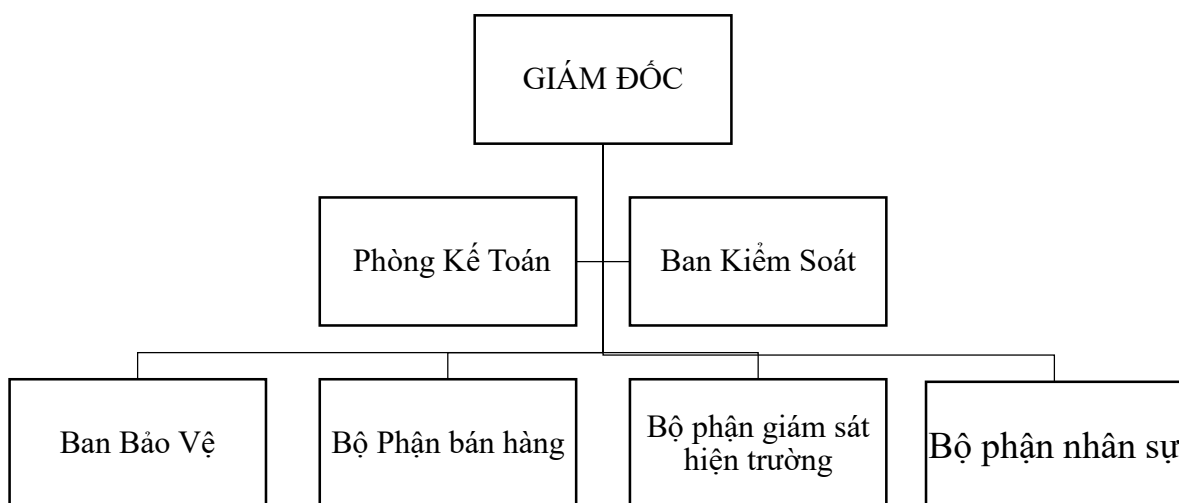
Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1. Vốn kinh doanh	3.147.878.500	1.782.035.744
2. Tổng doanh thu thuần	10.451.710.900	5.147.164.400
3. Tổng GVHB	7.501.244.147	3.478.144.700
4. Tổng lợi nhuận gộp	2.950.466.753	1.669.019.700
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	110.148.200	64.455.600
6. Thuế và các khoản phải nộp NSNN	22.029.640	12.891.120
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	88.118.560	51.564.480

2.1.2. Đặc điểm hàng hóa, tổ chức kinh doanh tại Công ty TNHH Cảnh Dững

Công ty TNHH Cảnh Dững là ngành kinh doanh chuyên cung cấp những nguyên liệu phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa và thỏa mãn nhu cầu đi lại của con người và các loại vật liệu phụ vụ xây dựng.

Các loại hình kinh doanh dịch vụ chủ yếu của Công ty là: buôn bán nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các loại dịch vụ khác. Đây là những mặt hàng dịch vụ có phạm vi hoạt động tương đối rộng lớn và là những nhu cầu thường xuyên, liên tục trên thị trường

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý chung tại Công ty TNHH Cảnh Dững



Sơ đồ: 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý chung tại Công ty TNHH Cảnh Dững

❖ Giám đốc Công Ty: Ông Vũ Hữu Sơn

- Là người địa diện pháp luật của công ty
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: điều hành, quy hoạch, chiến lược kinh doanh...
- Là người có nhiệm vụ, quyền hạn tối cao trong công ty

❖ Bộ nhân sự:

- Tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.

❖ Ban kiểm soát:

- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy định về chất lượng thực phẩm, nơ ở, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình làm việc tại công ty
- Theo dõi tình hình bán hàng, điều hành, sắp xếp các nhân viên để đảm bảo những yêu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, theo trình tự hợp lý
- Quản lý, phân chia, theo dõi công việc của các ban
- Tiến hành tổng kết, đánh giá chất lượng, số lượng sản phẩm vận hành hàng hóa hàng tháng, tìm ra những nguyên nhân tốt hoặc không tốt để đưa ra các biện pháp khắc phục.
- Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo hài lòng khách hàng.

❖ Bộ phận kế toán:

- Chức năng:
 - + Là bộ phận giúp việc Giám đốc tổ chức bộ máy Tài Chính – Kế Toán – Tín Dụng trong toàn Công ty.
 - + Giúp Giám đốc kiểm tra, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế, tài chính trong Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và Công ty TNHH Cảnh Dững.
- Nhiệm vụ:
 - + Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính và lập báo cáo thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm.
 - + Xây dựng kế hoạch huy động vốn trung, dài hạn, huy động kịp thời các nguồn sẵn có vào hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch tạo lập và sử dụng

các nguồn tài chính có hiệu quả, đảm bảo tăng cường tiết kiệm trong chi phí hạ giá thành, tăng nhanh tích lũy nội bộ.

+ Tổ chức tuần hoàn chu chuyển vốn, tổ chức thanh toán tiền kinh doanh, thu hồi công nợ.

+ Căn cứ vào chế độ của Nhà nước và quy định của ngành, Công ty để kiểm tra việc sử dụng tài sản, tiền vốn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về dự toán, định mức chi phí trong sản xuất kinh doanh.

+ Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu và luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý trong từng đơn vị kế toán.

+ Tổ chức hướng dẫn và áp dụng hệ thống tài khoản kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu và luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý trong công ty

+ Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo kế toán đúng quy định và phù hợp với yêu cầu quản lý Công ty

❖ Bộ phận giám sát hiện trường:

- Thực hiện quản lý, giám sát hàng hóa tại cửa hàng, để đề phòng trộm cắp
- Cân đo, đếm đúng, đủ khối lượng hàng cần bán tránh gian lận
- Quản lý công việc tại cửa hàng đảm bảo đúng kỹ thuật, chất lượng, an toàn, đúng tiến độ...
- Quản lý, giám sát toàn bộ hoạt động tại cửa hàng
- Lập tiến độ chi tiết, triển khai tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch để đảm bảo tiến độ như đã cam kết
- Chịu trách nhiệm về mặt, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường tại cửa hàng.

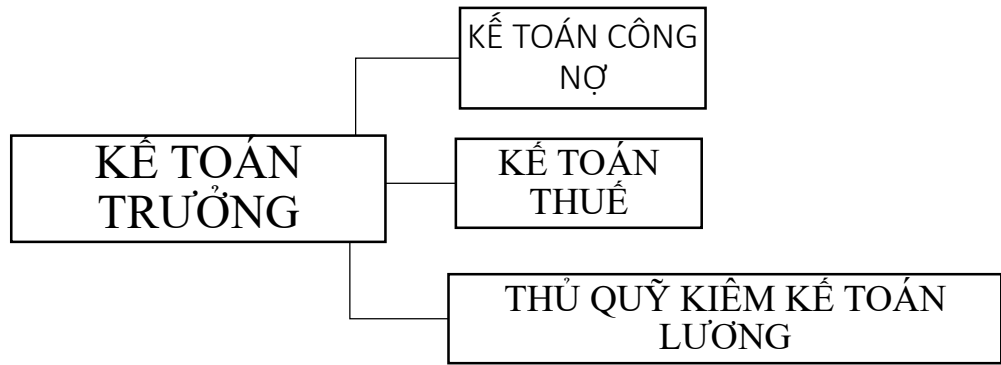
❖ Ban bảo vệ:

- Trông coi, quản lý tài sản chung của công ty
- Thực hiện các công việc khác do cấp trên phân công

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Cảnh Dũng

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán đều được tập trung thực hiện và xử lý tại phòng kế toán. Với việc hình thành mô hình kế toán này đã giúp bộ máy của phòng kế toán được tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty.



Sơ Đồ: 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Cảnh Dũng

(Nguồn phòng kế toán công ty TNHH Cảnh Dũng)

❖ **Kế toán trưởng:**

- Chịu trách nhiệm trước giám đốc về công tác kế toán, quản lý tài chính của công ty và mọi hoạt động của phòng. Có trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán thống nhất, ghi chép phản ánh trung thực quá trình kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức, điều hành toàn bộ công tác hạch toán trong doanh nghiệp. Xuất phát từ vai trò kế toán trong công tác quản lý nên kế toán trưởng có vị trí quan trọng trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp. Kế toán trưởng không chỉ là người tham mưu mà còn là người kiểm tra, giám sát hoạt động của doanh nghiệp, trước hết là các hoạt động tài chính. Thực hiện tốt vai trò kế toán trưởng chính là làm cho bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả hoạt động, thực hiện các chức năng vốn có của kế toán.
- Với vai trò và quyền hạn của mình, kế toán trưởng sẽ thực hiện phân công công việc và trách nhiệm cho các kế toán viên
- Nội dung hạch toán tại một doanh nghiệp bao gồm nhiều phần hành cụ thể phải được phân công cho nhiều người thực hiện. Mỗi người thực hiện một số phần hành nhất định dưới sự điều khiển chung của kế toán trưởng. các phần hành kế toán có mối liên hệ với nhau nên việc phân công cần đảm bảo tính khoa học và có sự tác động qua lại để cùng thực hiện tốt các nhiệm vụ kế toán của doanh nghiệp.

❖ Kế toán công nợ:

- Quản lý, theo dõi công nợ
- Lập phiếu nộp ngân sách – ngân hàng
- Lập lịch thanh toán công nợ đối với khách hàng
- Tính toán số công nợ phát sinh hàng tháng, lập giấy thông báo thanh toán công nợ (nội bộ và khách hàng)

❖ Kế toán thuế:

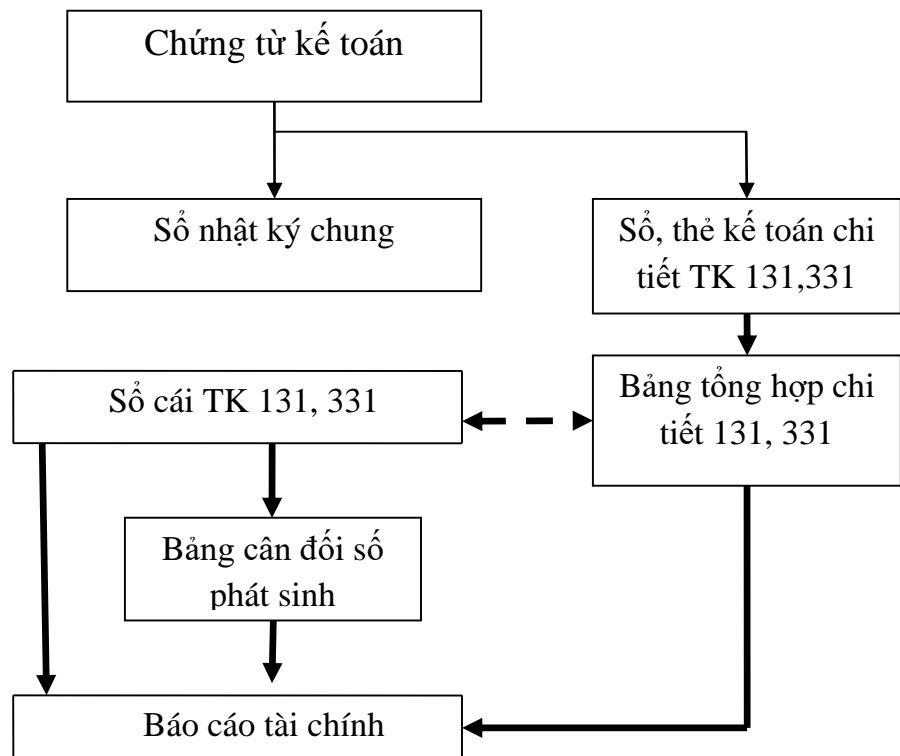
- Hàng ngày tập hợp hóa đơn.
- Cuối tháng lập báo cáo Thuế GTGT, thuế TNDN và nộp tiền thuế cho cơ quan Thuế.
- Hàng Quý làm báo cáo thuế tháng của quý đó và báo cáo quý cho thuế GTGT, Thuế TNDN, thuế TNCN và báo cáo sử dụng hóa đơn.
- Theo dõi tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách và hoàn thuế của công ty.

❖ Thủ quỹ kiêm kế toán lương:

- Thủ quỹ: có trách nhiệm quản lý tiền mặt, căn cứ các chứng từ gốc hợp lý, hợp lệ và tiến hành thu chi tiền mặt và ghi vào sổ quỹ. Phản ánh thu, chi tồn quỹ tiền mặt hàng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo thực tế tiền mặt bằng số dư trên sổ sách.
- Kế toán lương: tính lương cho nhân viên trong công ty, tính ra các khoản trích theo lương. Theo dõi và lập báo cáo để đối chiếu quyết toán với cơ quan bảo hiểm. Đồng thời ghi chép các nghiệp vụ thanh toán và tính tiền lương, các khoản trích theo lương tiến hành phân bổ các khoản chi phí lương, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Cảnh Dững

- Chế độ kế toán đang áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.
- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- > : Ghi cuối tháng
- ←-----> : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ: 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung tại Công Ty TNHH Cảnh Dững

2.1.5. Đặc điểm về phương thức và hình thức thanh toán tại Công Ty TNHH Cảnh Dững

- Với những khoản thanh toán trên 20 triệu: Công ty thanh toán bằng ngân hàng.
+ Chứng từ thanh toán sử dụng trong phương thức này là: Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ (có)
- Với những khoản thanh toán dưới 20 triệu: Công ty thanh toán bằng tiền mặt
+ Chứng từ thanh toán sử dụng trong phương thức này là: Phiếu Thu, Phiếu Chi.

2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Cảnh Dững

2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.

- Tài khoản sử dụng: TK131
- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Phiếu Thu
 - + Giấy báo có
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 131
 - + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
 - + Sổ tổng hợp thanh toán với người mua

2.2.2. Kế toán chi tiết thanh toán với người mua

VD1: Ngày 8/12/2015 Xuất kho bán hàng cho công ty TNHH thương mại Trường Thành với số tiền là 171.773.720 (chưa VAT 10%) chưa thanh toán theo HĐ GTGT 0000342 (biểu 2.1).

Kế toán định khoản:

Nợ 131:	188.951.092
Có 511:	171.773.720
Có 3331:	17.177.372

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT 0000342

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu Ngày 8/12/2016				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000342	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Cảnh Dũng Mã số thuế: 0201384677 Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại Trường Thành Mã số thuế: 0201585486 Địa chỉ: Thôn phương Chũ Đồng, Trường Thành, An Lão, Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Dầu diezel05/12	Lít	4.136	12.270	50.748.720
2	Dầu diezel 29/11	Lít	9.682	12.500	121.025.000
		Cộng tiền hàng			171.773.720
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT			17.177.372
Tổng cộng tiền thanh toán:					188.951.092
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi tám triệu chín trăm năm mươi một nghìn không trăm chín mươi hai nghìn đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

VD2: Ngày 14/12/2016 Thu được nợ Công ty TNHH thương mại Trường Thành số tiền là 350.000.000 bằng chuyển khoản theo GBC214 (biểu 2.2)

Kế toán định khoản:

Nợ 112: 350.000.000

Có 131: 350.000.000

Biểu 2.2: Giấy báo có

VP BANK
CN Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 14/12/2016

Mã GBV
Mã KH
Số GD: GBC214

Kính gửi: Công ty TNHH Cảnh Dũng

Mã số thuế: 0201384677

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 001468929999

Số tiền bằng số: **350.000.000**

Số tiền bằng chữ: *Ba trăm lăm mươi triệu đồng*

Nội dung: Công ty TNHH thương mại vật liệu xây dựng Trường Thành thanh toán nợ

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH Cảnh Dũng)

Căn cứ vào HĐ GTGT Số 0000342 và BC214 Kế toán ghi nhận công nợ phải thu của Công ty TNHH thương mại Trường Thành vào sổ chi tiết thanh toán.

Biểu số 2.3: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Công ty TNHH Cảnh Dững

Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn,
Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S12 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/GĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN

TK: 131 – Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH thương mại Trường Thành

Tháng 12 Năm 2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số Dư	
	B	C			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu tháng				371.571.000	-
8/12	HĐ 0000342	8/12	Bán hàng cho Cty Trường thành chưa thu tiền	511,3331	188.951.092		560.522.092	
14/12	GBC214	14/12	Thu nợ bằng chuyển khoản	112		350.000.000	210.522.092	
			Cộng phát sinh tháng		188.951.092	350.000.000		
			Số dư cuối tháng				210.522.092	-

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dững)

VD3: Ngày 13/12/2016 Công ty TNHH Cảnh dũng bán vật liệu cho Công ty xây dựng vật tư 28 với số tiền là 67.380.000 (chưa VAT10%) chưa thanh toán theo HĐ GTGT Số 0000451 (biểu 2.4)

Kế toán định khoản

Nợ 131: 74.118.000

Có 511: 67.380.000

Có 3331: 6.738.000

Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT0000451

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu Ngày 13/12/2016				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0000451	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Cảnh Dũng Mã số thuế: 0201384677 Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty xây dựng vật tư 28 Mã số thuế: 0201221545 Địa chỉ: Số 2/4/84/143 Tôn Đức Thắng, P.An Dương, Q.Lê Chân, TP.Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cát vàng	M ³	151	300.000	45.300.000
2	Đá 1x2	M ³	96	230.000	22.080.000
		Cộng tiền hàng			67.380.000
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT			6.738.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					74.118.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu một trăm mười tám nghìn đồng.					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

VD4: Ngày 16/12/2016 Công ty xây dựng vật tư 28 thanh toán tiền nợ với số tiền là 60.000.0000 bằng chuyển khoản theo GBC652 (Biểu 2.5)

Kế toán định khoản

Nợ 112: 60.000.000

Có 131: 60.000.000

Biểu số 2.5: Giấy báo có

VP BANK
CN Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 16/12/2016

Mã GBV
Mã KH
Số GD: GBC652

Kính gửi: Công ty TNHH Cảnh Dũng

Mã số thuế: 0201384677

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 001468929999

Số tiền bằng số: **60.000.000**

Số tiền bằng chữ: *Sáu mươi triệu đồng chẵn*

Nội dung: Công ty xây dựng vật tư 28 thanh toán nợ

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

Căn cứ vào HĐ GTGT Số 0000451 và GBC652 Kế toán ghi nhận công nợ phải thu của Công ty xây dựng vật tư 28 vào sổ chi tiết thanh toán (Biểu 2.6)

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Công ty TNHH Cảnh Dững

Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn,
Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S12 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN

TK:131 – Phải thu của khách hàng
Đối tượng: Công ty xây dựng vật tư 28
Tháng 12 Năm 2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số Dư	
					Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			<u>Số dư đầu tháng</u>				<u>32.547.100</u>	-
13/12	HĐ 0000451	13/12	Bán hàng cho Cty xây dựng vật tư 28	511,3331	74.118.000		106.665.100	
16/12	GBC652	16/12	Thu nợ bằng chuyển khoản	112		60.000.000	46.665.100	
		
			Cộng phát sinh tháng		625.850.500	450.000.000		
			<u>Số dư cuối tháng</u>				<u>208.397.600</u>	-

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dững)

VD5: Ngày 20/12/2016 Công ty TNHH Cảnh Dũng bán hàng cho Công ty TNHH thương mại vật tư Vĩnh Xuân, Kế toán ghi nhận doanh thu số tiền là 9.200.000 chưa (VAT10%), chưa thanh toán theo hóa đơn GTGT Số 0000709 (biểu 2.7)

Kế toán định khoản:

Nợ 131: 10.120.000

Có 511: 9.200.000

Có 3331: 920.000

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT0000709

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					Mẫu số: 01GTKT3/001
Liên 3: Lưu					Ký hiệu: AA/15P
Ngày 20/12/2016					Số: 0000709
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Cảnh Dũng					
Mã số thuế: 0201384677					
Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại vật tư Vĩnh Xuân					
Mã số thuế: 020181914					
Địa chỉ: Số 777 đường 5 Cũ, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM Sổ tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đá 1x2	M ³	40	230.000	9.200.000
Cộng tiền hàng					9.200.000
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT			920.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					10.120.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu một trăm hai mươi nghìn đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)		(ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

VD6: Ngày 25/12/2016 Công ty TNHH thương mại vật tư Vĩnh Xuân thanh toán hết nợ bằng tiền mặt theo phiếu thu PT047/Q4 (biểu 2.8)

Kế toán định khoản:

Nợ 111: 10.120.000

Có 131: 10.120.000

Biểu Số 2.8: Phiếu Thu

Đơn vị: Công ty TNHH Cảnh dũng

**Đại chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn,
Vinh Khê, An Đồng, An Dương, Hải Phòng**

Mẫu số 01-TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-
BTC Ngày 14/09/2006 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 25/12 năm 2016

Quyển số 4

Số: PT047

Họ và tên người nộp tiền: Công ty TNHH thương mại vật tư Vĩnh Xuân

Địa chỉ: Số 777 đường 5 cũ, P.Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng

Lý do nộp: thanh toán tiền nợ

Số tiền: **10.120.000** (Viết bằng chữ): *Mười triệu một trăm hai mươi nghìn đồng.*

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người Nộp tiền

Người lập phiếu

Thủ Quỹ

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

VD7: ngày 28/12/2016 Công ty TNHH thương mại Vĩnh Xuân trả trước cho Công ty TNHH Cảnh Dũng số tiền 40.000.000 bằng chuyển khoản theo giấy báo có BC874 (biểu 2.9)

Kế toán định khoản:

Nợ 112: 40.000.000

Có 131: 40.000.000

Biểu Số 2.9: Giấy Báo Có

VP BANK
CN Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ
Ngày 28/12/2016

Mã GBV
Mã KH
Số GD: GBC874

Kính gửi: Công ty TNHH Cảnh Dũng

Mã số thuế: 0201384677

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 001468929999

Số tiền bằng số: **40.000.000**

Số tiền bằng chữ: *Bốn mươi triệu đồng chẵn*

Nội dung: Công ty TNHH thương mại vật tư Vĩnh Xuân trả trước tiền hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

Căn cứ vào HĐ GTGT 0000709 và PT047, BC874, Kế toán ghi nhận công nợ phải thu của Công ty TNHH thương mại vật tư Vĩnh Xuân vào sổ chi tiết thanh toán (biểu 2.10)

Biểu Số 2.10: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Công ty TNHH Cảnh Dũng

Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn,
Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S12 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN

TK:131 – Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty TNHH thương mại vật tư Vĩnh Xuân

Tháng 12 Năm 2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số Dư	
					Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			<u>Số dư đầu tháng</u>				-	-
20/12	HĐ 0000709	20/12	Bán hàng cho Cty	511,3331	10.120.000		10.120.000	
25/12	PT047	25/12	Thu nợ bằng tiền mặt	111		10.120.000	0	
28/12	GBC874	28/12	Công ty Vĩnh Xuân trả trước tiền hàng	112		40.000.000		40.000.000
			Cộng phát sinh tháng		10.120.000	50.120.000		
			<u>Số dư cuối tháng</u>					<u>40.000.000</u>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

2.2.3. Kế toán tổng hợp thanh toán với người mua

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000342 (biểu 2.1), hóa đơn GTGT 0000451 (biểu 2.3), hóa đơn GTGT 0000709 (biểu 2.7), Giấy báo có GBC214 (biểu 2.2), giấy báo có GBC652 (biểu 2.5), giấy báo có GBC874 (biểu 2.9), phiếu thu PT047/Q4 (biểu 2.8) Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.11)

Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật Ký Chung năm 2016**Đơn vị: Công ty TNHH Cảnh Dũng****Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, An Đồng,
Hải Phòng****Mẫu số: S03a - DNN****(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của BTC)****SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày , tháng g ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
					
8/12	HĐ 0000342	8/12	Doanh thu bán hàng cho Cty Trường Thành	131 511 3331	188.951.092	171.773.720 17.177.372
					
13/12	HĐ 0000451	13/12	Doanh thu bán hàng cho Công ty Vật tư 28	131 511 3331	74.118.000	67.380.000 6.738.000
			...			
14/12	BC214	14/12	Thu nợ của Công ty Trường Thành	112 131	350.000.000	350.000.000
					
16/12	BC652	16/12	Thu nợ Công ty xây dựng vật tư 28	112 131	60.000.000	60.000.000
			...			
20/12	HĐ 0000709	20/12	Doanh thu bán hàng cho Cty Vĩnh Xuân	131 511 3331	10.120.000	9.200.000 920.000
			...			
25/12	PT047 /Q4	25/12	Thu nợ của công ty Vĩnh Xuân	111 131	10.120.000	10.120.000
			...			
28/12	BC874	28/12	Cty Vĩnh Xuân trả trước tiền hàng	112 131	40.000.000	40.000.000
					
			Cộng số phát sinh năm	X	48.457.014.780	48.457.014.780

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

Căn cứ vào nhật ký chung (biểu 2.11) kế toán ghi sổ cái tài khoản 131(biểu 2.12)

Biểu số 2.12: Sổ Cái TK 131**Đơn vị: Công ty TNHH Cảnh Dũng****Mẫu số: S03b - DNN****Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh****(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ/TT-****Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng****BTC ngày 14/09/2006 của BTC)****SỔ CÁI**

Tài khoản: 131- Phải thu của khách hàng

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng g ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			...			
8/12	HĐ 0000342	8/12	Doanh thu bán hàng cho Cty Trường thành	511 3331	171.773.720 17.177.372	
			...			
13/12	HĐ 0000451	13/12	Doanh thu bán hàng cho Cty vật tư 28	511 3331	67.380.000 6.738.000	
			...			
14/12	BC214	14/12	Thu nợ Cty Trường Thành	112		350.000.000
					
16/12	BC652	16/12	Thu nợ Cty xây dựng vật tư 28	112		60.000.000
			...			
20/12	HĐ 0000709	20/12	Doanh thu bán hàng cho Cty Vĩnh Xuân	511 3331	9.200.000 920.000	
			...			
25/12	PT047 /Q4	25/12	Thu nợ Cty Vĩnh Xuân	111		10.120.000
					
28/12	BC874	28/12	Cty Vĩnh Xuân trả trước tiền hàng	112		40.000.000
			...			
			Cộng số phát sinh năm		11.355.784.600	10.015.977.900
			Số dư cuối năm		1.339.806.700	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

- Căn cứ vào sổ chi tiết phải thu của khách hàng: biểu 2.3, biểu số 2.6, biểu số 2.10. Kế toán ghi vào sổ tổng hợp thanh toán với người mua (biểu số 2.13)

Biểu số 2.13: Tổng hợp phải thu người mua.

Đơn vị: Công ty TNHH Cảnh Dũng

Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, An Đồng, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 131 – Phải thu của khách hàng

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên người mua	Số dư đầu tháng 12		Số phát sinh tháng 12		Số dư cuối tháng 12	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH thương mại Trường Thành	371.571.000		188.951.092	350.000.000	210.522.092	
2	Công ty xây dựng vật tư 28	32.547.100		625.850.500	450.000.000	208.397.600	
3	Công ty TNHH thương mại vật tư Vĩnh Xuân			10.120.000	50.120.000		40.000.000
...
	Tổng	678.458.400		1.577.646.554	916.298.254	1.636.467.800	296.661.100

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Cảnh Dũng)

2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp) tại Công ty TNHH Cảnh Dũng

2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán

-Chứng từ:

+ Hóa đơn GTGT (liên 2)

+ Phiếu Chi

+ Ủy nhiệm chi (UNC), Giấy báo nợ (GBN)

-Tài khoản sử dụng: TK 331 – Phải trả người bán

-Sổ sách kế toán:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ Cái TK 331

+ Sổ chi tiết thanh toán với người bán

+ Sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán

2.3.2. Kế toán chi tiết thanh toán với người bán

VD 8: ngày 4/12/2016 Công ty mua dầu diesel của Công ty CP TM vật tư Dầu khí Hải Phòng với số tiền là 568.953.840, đơn giá chưa có thuế là 11.472/lít (VAT10%) theo hóa đơn GTGT 0000156 (biểu 2.14) chưa thanh toán.

Kế toán định khoản

Nợ 156: 568.953.840

Nợ 133: 56.895.384

Có 331: 625.849.224

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT0000156

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 4 tháng 12 năm 2016			Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu: TH/15P Số: 0000156		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP TM VẬT TƯ DẦU KHÍ HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0201651354					
Địa chỉ: Số 54 Phố Tiên Phong, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 0225.3557.882					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG					
Mã số thuế: 0201384677					
Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu diesel (DO)	Lít	49.595	11.472	568.953.840
2					
3					
4					
5					
Cộng tiền hàng:					568.953.840
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		56.895.384	
Tổng cộng tiền thanh toán					625.849.224
Số tiền viết bằng chữ: <i>Sáu trăm hai mươi năm triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng.</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

VD 9: Ngày 9/12/2016 Thanh toán tiền hàng cho Công ty CP TM vật tư dầu khí Hải Phòng với số tiền là 450.000.000 bằng chuyển khoản theo UNC014 (biểu 2.15)

Kế toán định khoản

Nợ 331: 450.000.000

Có 112: 450.000.000

Biểu Số 2.15: Ủy nhiệm chi**ỦY NHIỆM CHI**

Số bút toán: 014

Mã KH:

Ngày: 9/12/2016

Tên đơn vị trả tiền (Payer): **Công ty TNHH Cảnh Dũng**Số tài khoản (Acc No): **160314851000838**Tại ngân hàng (At bank): **VP Bank** Tỉnh, TP(City, province): **Hải Phòng**Tên đơn vị nhận tiền (Beneficiary): **Công ty CP TM vật tư Dầu khí Hải Phòng**Số tài khoản (Acc No): **103002928128**Tại ngân hàng (At bank): **Vietinbank** –Ngân hàng TMCP Công thương Việt NamChi nhánh (branch): **Hải Phòng**Số tiền bằng chữ (Amount in words): *Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn*Nội dung thanh toán(Content): *Trả nợ cho Cty CP TM vật tư dầu khí Hải Phòng*

450.000.000 ^d

Đơn vị/ Người yêu cầu (Customer)

VP bank*Kế toán**Chủ tài khoản**Giao dịch viên**Kiểm soát**Giám đốc**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)*

- Căn cứ vào HD0000156 và UNC014 kế toán ghi nhận công nợ phải trả vào sổ chi tiết thanh toán với người bán (biểu 2.16)

Biểu Số 2.16: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Công ty TNHH Cảnh Dững
Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn,
Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S12 – DNN
 (Ban hành theo QĐ Số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN

TK:331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công CP TM vật tư dầu khí Hải Phòng

Tháng 12 Năm 2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số Dư	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			<u>Số dư đầu tháng</u>				-	142.648.400
4/12	HD 0000156	4/12	Mua Dầu của Cty CPTM vật tư dầu khí Hải Phòng	156		568.953.840		711.602.240
				133		56.895.384		768.497.624
9/12	UNC014	9/12	Trả nợ cho Cty CPTM vật tư dầu khí Hải Phòng	112	450.000.000			318.497.624
			Cộng phát sinh tháng		450.000.000	625.849.224		
			<u>Số dư cuối tháng</u>					<u>318.497.624</u>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dững)

VD 10: Ngày 23/12/2016 Công ty mua cát của Công ty TNHH Vạn Đức với số tiền là 216.700.000. đơn giá chưa có thuế (VAT10%) theo hóa đơn GTGT 0000344 (biểu 2.17) chưa thanh toán.

Kế toán định khoản:

Nợ 156: 216.700.000

Nợ 133: 21.670.000

Có 331: 238.370.000

Biểu số 2.17: Hóa đơn GTGT 0000344

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 23 tháng 12 năm 2016			Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu: TH/15P Số: 0000344		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VẠN ĐỨC Mã số thuế: 0200477287 Địa chỉ: KM7 Đường 5/1, Hùng Vương, Hồng Bàng, Tp.Hải Phòng Điện thoại: 0225.3594.665 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG Mã số thuế: 0201384677 Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cát đen	M ³	412	190.000	78.280.000
2	Cát vàng	M ³	769	180.000	138.420.000
3					
4					
5					
Cộng tiền hàng:					216.700.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		21.670.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					238.370.000
Số tiền viết bằng chữ: hai trăm ba mươi tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)	
(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

VD 11: Ngày 26/12/2016 Thanh toán tiền cho Công ty TNHH Vạn Đức số tiền là 110.000.000 bằng chuyển khoản theo ủy nhiệm chi ngày 26/12/2015 (biểu 2.18)

Kế toán định khoản

Nợ 331: 110.000.000

Có 112: 110.000.000

Biểu số 2.18: Ủy nhiệm chi**ỦY NHIỆM CHI**

Số bút toán: 211

Mã KH:

Ngày: 26/12/2016

Tên đơn vị trả tiền (Payer): **Công ty TNHH Cảnh Dũng**Số tài khoản (Acc No): **160314851000838**Tại ngân hàng (At bank): **VP Bank** Tỉnh, TP(City, province): **Hải Phòng**Tên đơn vị nhận tiền (Beneficiary): **Công ty TNHH Vạn Đức**Số tài khoản (Acc No): **105006613317**

Tại ngân hàng(At bank): Vietinbank –Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Chi nhánh (branch): **Hải Phòng**

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười triệu đồng chẵn

Nội dung thanh toán(Content): Trả nợ cho Cty CP TM vật tư dầu khí Hải Phòng

110.000.000 ^d

Đơn vị/ Người yêu cầu (Customer)

VP bank*Kế toán**Chủ tài khoản**Giao dịch viên**Kiểm soát**Giám đốc**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)*

- Căn cứ vào HĐ 0000344 và UNC211 kế toán ghi nhận công nợ phải trả vào sổ chi tiết thanh toán với người bán (biểu 2.19)

Biểu số 2.19: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Công ty TNHH Cảnh Dững
Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn,
Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S12 – DNN
 (Ban hành theo QĐ Số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN

TK:331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công CP TM vật tư dầu khí Hải Phòng

Tháng 12 Năm 2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số Dư	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			<u>Số dư đầu tháng</u>				-	53.411.600
23/12	HĐ 0000344	23/12	Mua cát Cty TNHH Vạn Đức	156		216.700.000		270.111.600
				133		21.670.000		291.781.600
26/12	UNC211	26/12	Thanh toán nợ cho Cty Vạn Đức	112	110.000.000			181.781.600
			Cộng phát sinh tháng		110.000.000	238.370.000		
			<u>Số dư cuối tháng</u>					<u>181.781.600</u>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dững)

VD 12: Ngày 7/12/2016 kế toán hạch toán cước phí vận chuyển cho Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh theo hóa đơn GTGT0000277 (biểu 2.20) số tiền là 3.300.000, chưa thanh toán

Kế toán định khoản:

Nợ 642: 3.000.000

Nợ 133: 300.000

Có 331: 3.300.000

Biểu số 2.20: Hóa đơn GTGT0000277

HOÁ ĐƠN			Mẫu số :01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: TH/15P		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0000277		
<i>Ngày 7 tháng 12 năm 2016</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH DV&VT TÙNG ANH					
Mã số thuế: 0201300846					
Địa chỉ: Thôn Nam Bình-Xã An Hưng-Huyện An Dương-Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 0225.282.107					
Số tài khoản: 203643109					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG					
Mã số thuế: 0201384677					
Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phí chuyển Cát	Chuyển	15	200.000	3.000.000
2					
3					
4					
5					
Cộng tiền hàng:					3.000.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		300.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					3.300.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Đã ký)</i>		<i>(Đã ký)</i>		<i>(Đã ký và đóng dấu)</i>	
<i>(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					
<i>(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)</i>					

VD 13: Ngày 11/12/2016 Công ty thanh toán nợ cho Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh bằng tiền mặt. PC014/12 (biểu 2.21)

Kế toán định khoản:

Nợ 331: 3.300.000

Có 111: 3.300.000

Biểu số 2.21: PC014

Công ty TNHH Cảnh Dững Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng		Mẫu số: 02 – TT (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của BTC)		
PHIẾU CHI				
Ngày 11 tháng 12 năm 2016				
Số: 014/12				
Nợ 331: 3.300.000				
Có 111: 3.300.000				
Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh				
Địa chỉ: Thôn Nam Bình-Xã An Hưng-Huyện An Dương-Thành phố Hải Phòng				
Lý do chi: Phí vận chuyển				
Số tiền: 3.300.000				
Bằng chữ: <i>Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.</i>				
Kèm theo: 0 chứng từ gốc				
Ngày 11 tháng 12 năm 2016				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng.				
Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):				
Số tiền quy đổi:				

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dững)

VD 14: Ngày 16/12/2016 Công ty trả trước tiền cước cho Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh số tiền 20.000.000 bằng chuyển khoản theo UNC027 ngày 16/12/2016 (biểu 2.22)

Kế toán định khoản

Nợ 331: 20.000.000

Có 112: 20.000.000

Biểu 2.22: Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI

Số bút toán: 027

Mã KH:

Ngày: 16/12/2016

Tên đơn vị trả tiền (Payer): **Công ty TNHH Cảnh Dũng**

Số tài khoản (Acc No): **160314851000838**

Tại ngân hàng (At bank): **VP Bank** Tỉnh, TP(City, province): **Hải Phòng**

Tên đơn vị nhận tiền (Beneficiary): **Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh**

Số tài khoản (Acc No): **203643109**

Tại ngân hàng(At bank):ngân hàng TMCP Á Châu, PGD Quán Toan

Chi nhánh (branch): **Hải Phòng**

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi triệu đồng chẵn

Nội dung thanh toán(Content): Trả trước cho Cty TNHH DV&VT Tùng Anh

20.000.000^d

Đơn vị/ Người yêu cầu (Customer)

VP bank

Kế toán

Chủ tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

- Căn cứ vào HD GTGT0000277, PC014 và UNC027 kế toán ghi nhận công nợ phải trả vào sổ chi tiết thanh toán với người bán (biểu 2.23)

Biểu số 2.23: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Công ty TNHH Cảnh Dũng

Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn,

Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S12 – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ -BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN

TK:331 – Phải trả người bán

Đối tượng: Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh

Tháng 12 Năm 2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số Dư	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu tháng				-	-
7/12	HD 0000277	7/12	Cước vận chuyển	642		3.000.000		3.000.000
				133		300.000		3.300.000
11/12	PC014	11/12	Thanh toán nợ cho Cty Tùng Anh	111	3.300.000			
16/12	UNC027	16/12	Trả trước cước vận chuyển	112	20.000.000		20.000.000	
			Cộng phát sinh tháng		23.300.000	3.300.000		
			Số dư cuối tháng				20.000.000	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

2.3.3. Kế toán tổng hợp thanh toán với người bán

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT0000156 (biểu 2.14), hóa đơn GTGT0000344 (biểu 2.17), hóa đơn GTGT0000277 (biểu 2.20), UNC014 (biểu 2.15), UNC211 (biểu 2.18), phiếu chi PC014 (biểu 2.21), UNC027 (biểu 2.22) kế toán ghi sổ Nhật ký Chung (biểu 2.24)

Biểu số 2.24: Trích sổ Nhật ký Chung năm 2016

Đơn vị: Công ty TNHH Cảnh Dững
Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh
Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng g			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
					
4/12	HĐ 0000156	4/12	Mua dầu diesel của Cty Dầu khí Hải Phòng	156	568.953.840	
				133	56.895.384	
				331		625.849.224
					
7/12	HĐ 0000277	7/12	Cước vận chuyển	642	3.000.000	
				133	300.000	
				331		3.300.000
			...			
9/12	UNC014	9/12	Thanh toán tiền cho Cty dầu khí Hải Phòng	331	450.000.000	
				112		450.000.000
					
11/12	PC014	11/12	Thanh toán nợ cho Cty Tùng Anh	331	3.300.000	
				111		3.300.000
			...			
16/12	UNC027	16/12	Trả trước cước vận chuyển cho Cty Tùng Anh	331	20.000.000	
				112		20.000.000
			...			
23/12	HĐ 0000344	23/12	Mua cát Cty TNHH Vạn Đức	156	216.700.000	
				133	21.670.000	
				331		238.370.000
					
26/12	UNC211	26/12	Thanh toán nợ cho Cty Vạn Đức	331	110.000.000	
				112		110.000.000
					
			Cộng số phát sinh năm	X	48.457.014.780	48.457.014.780

- Căn cứ vào nhật ký chung (biểu 2.24) kế toán ghi sổ cái tài khoản 331 (biểu 2.25)

Biểu số 2.25: Sổ Cái TK 331

Đơn vị: Công ty TNHH Cảnh Dững
Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh
Toàn, Vĩnh Khê, An Đông, An
Dương, Hải Phòng

Mẫu số: S03b - DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			156.787.400
			...			
4/12	HĐ 0000156	4/12	Mua dầu diesel Cty Dầu khí Hải phòng	156 133		568.953.840 56.895.384
			...			
7/12	HĐ 0000277	7/12	Cước vận chuyển	154 133		3.000.000 300.000
			...			
9/12	UNC014	9/12	Thanh toán tiền cho Cty dầu khí HP	112	450.000.000	
					
11/12	PC014	11/12	Thanh toán nợ cho Cty Tùng Anh	111	3.300.000	
			...			
16/12	UNC027	16/12	Trả trước cước vận chuyển	112	20.000.000	
			...			
23/12	HĐ 0000344	23/12	Mua cát Cty TNHH Vạn đức	156 133		216.700.000 21.670.000
					
26/12	UNC211	26/12	Thanh toán nợ cho Cty Vạn Đức	112	110.000.000	
			...			
Cộng số phát sinh năm					6.481.646.225	7.807.954.147
Số dư cuối năm						1.483.095.322

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dững)

- Căn cứ vào sổ chi tiết phải thu khách hàng: biểu 2.16, biểu 2.19, biểu 2.23. Kế toán ghi vào sổ tổng hợp thanh toán với người bán (biểu 2.26)

Biểu số 2.26: Sổ tổng hợp phải trả người bán

Đơn vị: Công ty TNHH Cảnh Dũng

Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 - Phải trả người bán

Tháng 12 năm 2016

STT	Tên người mua	Số dư đầu tháng 12		Số phát sinh tháng 12		Số dư cuối tháng 12	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CPTM dầu khí Hải Phòng		142.648.400	450.000.000	625.849.224		318.497.624
2	Công ty TNHH Vạn Đức		53.411.600	110.000.000	238.370.000		181.781.600
3	Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh		.	23.300.000	3.300.000	20.000.000	
...
	Tổng		378.418.400	775.144.547	1.879.821.469	34.000.000	1.517.095.322

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

- Căn cứ vào sổ cái TK 131 và sổ cái TK 331 kế toán phản ánh các chỉ tiêu liên quan vào bảng cân đối tài khoản (biểu số 2.27)

Biểu số 2.27: Bảng cân đối TK (trích số liệu năm 2016 của Công ty TNHH Cảnh Dũng)

Đơn vị: Công ty TNHH Cảnh Dũng

Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn, Vĩnh Khê, An

Đông, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: F01 - DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
...
131	Phải thu của khách hàng			11.355.784.600	10.015.977.900	1.339.806.700	
331	Phải trả cho người bán		156.787.400	6.481.646.225	7.807.954.147		1.483.095.322
...
	Tổng Cộng	1.782.035.744	1.782.035.744	48.457.014.780	48.457.014.780	3.107.878.500	3.107.878.500

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dũng)

- Căn cứ vào bảng tổng hợp thanh toán với người mua biểu số 2.13 và người bán biểu số 2.26. Kế toán phản ánh các chỉ tiêu liên quan vào bảng cân đối kế toán (biểu 2.28)

Biểu số 2.28: Bảng cân đối kế toán (Trích số liệu năm 2015 của Công ty TNHH Cảnh Dũng)

Đơn vị: CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG
Địa chỉ: số 5 khu chung cư Thanh Toàn,
Vĩnh Khê, An Đông, An Dương, Hải
phòng

Mẫu số: B01 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1		
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1.	Chứng khoán kinh doanh	121			
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	1.636.467.800	
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	34.000.000	
3.	Phải thu ngắn hạn khác	133			
4.	Tài sản thiếu chờ xử lý	134			
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136			
IV.	Hàng tồn kho	140			
1.	Hàng tồn kho	141	V.5		
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142	V.6		
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150			
1.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151			
2.	Tài sản ngắn hạn khác	152			

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200			
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210			
II.	Tài sản cố định	220			
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8		
2.	Giá trị hao mòn lũy kế	222			
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	223			
III.	Bất động sản đầu tư	230			
	Nguyên giá	231			
	Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240			
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1.	Đầu tư tài chính dài hạn	251			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	252			
VI.	Tài sản dài hạn khác	260			
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9		
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4.	Tài sản dài hạn khác	268			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.147.878.500	1.782.035.744
NGUỒN VỐN					
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300			
I.	Nợ ngắn hạn	310			
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.517.095.322	156.787.400
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		296.661.100	
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11		
4.	Phải trả người lao động	314			
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12		
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			

8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13		
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14		
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
II.	Nợ dài hạn	330			
1.	Phải trả dài hạn người bán	331			
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333			
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7.	Phải trả dài hạn khác	337			
8	Dự phòng phải trả dài hạn	338			
D -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15		
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411			
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4.	Cổ phiếu quỹ	414			
5.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
8.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	418			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.147.878.500	1.782.035.744

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dững)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CẢNH DŨNG

3.1. Đánh giá thực trạng công yacs kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Cảnh Dũng.

- Công ty TNHH Cảnh dũng là doanh nghiệp chuyên cung cấp nguyên vật liệu xây dựng, dầu khí... Công ty không chỉ hạch định kế hoạch giúp thực hiện và kiểm soát quá trình lưu thông và lưu trữ các nguyên vật liệu theo nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó công ty còn đảm nhận luôn nhiệm vụ quản lý các thông tin có liên quan đến quá trình vận chuyển và lưu kho nguyên vật liệu, dầu khí, xử lý các giắt tờ, các vấn đề phát sinh trong lô hàng mà mình đảm nhận.

- Cảng biển ngày càng phát triển, các loại hình giao thông đường bộ, đường sắt, nhiều dự án công trình được đề ra trong năm tạo điều kiện thuận lợi cho việc kinh doanh dầu khí, các công ty dầu khí, nguyên vật liệu xây dựng tăng mạnh trong những năm gần đây. Công ty phải luôn cạnh tranh gay gắt về thị trường trong nước. Vậy nên để đứng vững trên thị trường kinh doanh dịch vụ công ty luôn phải cố gắng cải thiện chất lượng, việc thanh toán cũng không được chậm trễ và phải luôn linh hoạt. Quản lý tốt phần hành kế toán thanh toán với người mua người bán sẽ giúp công tác quản lý tài chính của công ty.

- Nhìn chung qua thời gian thực tập vào tìm hiểu về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Cảnh Dũng có những ưu điểm và hạn chế:

3.1.1. Ưu điểm

Trong những năm vừa qua phòng kế toán của công ty không ngừng nâng cao hiệu quả của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng để đảm bảo cung cấp cho ban giám đốc cùng với các đối tác thông tin trung thực và hợp lý nhất phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán nói chung của công ty được xây dựng theo mô hình tập trung đơn giản, gọn nhẹ nhưng hiệu quả, luôn có sự kết hợp ăn ý giữa phòng kế toán và các phòng ban khác trong công ty, vì vậy kế toán có thể cập nhập đầy đủ chứng từ phục vụ cho công việc ghi sổ.

Kế toán thanh toán của công ty được giao nhiệm vụ thực hiện toàn bộ quá trình thu nhận, xử lý, ghi chép theo dõi tình hình toanh toán trên hệ thống sổ sách, đồng thời cung cấp báo cáo thông tin đầy đủ cho ban lãnh đạo về khách hàng và cung cấp.

- Hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ: kế toán công ty đã áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của BTC. Quá trình lập và luân chuyển chứng từ cũng tương đối hợp lý tuân theo đúng thủ tục đảm bảo về mặt pháp lý cho các nghiệp vụ phát sinh

- Về hệ thống tài khoản: Hệ thống tài khoản kế toán cho Bộ tài chính ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở tài khoản cũng hợp lý và khoa học phù hợp với các đối tượng thanh toán,

- Về hệ thống sổ sách: sổ sách kế toán được phản ánh, ghi chép đầy đủ khoa học. Mỗi nghiệp vụ kế toán đều được kiểm tra cẩn thận trước khi đưa vào sổ sách.

- Về hạch toán kế toán thanh toán: Công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi công nợ từng đối tượng người mua, người bán theo từng đơn đặt hàng. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho người quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và đưa ra các hạch định chiến lược cho công ty.

Công ty đã theo dõi công nợ phải thu, cũng như phải trả khách hàng một cách khoa học. Có sự phối hợp và đối chiếu công nợ thường xuyên, do đó công nợ của công ty được phản ánh với những số liệu chính xác và đầy đủ làm hài lòng các khách hàng cũng như nhà cung cấp

3.1.2. Hạn chế

Về cơ bản thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán nói riêng tại Công ty TNHH Cảnh Dững là đúng theo chế độ kế toán tuy nhiên cũng không tránh khỏi những hạn chế.

- Tại công ty hiện nay chưa áp dụng phần mềm kế toán mọi công việc của kế toán viên đều thực hiện thủ công nên tốn mất nhiều thời gian và đôi khi không tránh khỏi sai sót, sẽ mất rất nhiều thời gian để tìm ra những chỗ sai khi xảy ra lỗi. Với khối lượng công việc của một kế toán tương đối nhiều nếu kế toán phải thực hiện thủ công thì việc nhầm lẫn là khó tránh khỏi.

- Trong công tác kế toán thanh toán, mặc dù công ty đã có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng nhưng công ty mới chỉ áp dụng chiết khấu cho những khách hàng lớn và lâu năm, cộng với việc thời gian áp dụng chiết khấu còn cứng nhắc và thiếu linh hoạt.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, cùng với đó là sự phát triển, cùng với đó là sự phát triển của các ngành giao thông cảng biển, đường bộ... nên đối mỗi doanh nghiệp đây không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức. Nếu doanh nghiệp biết khắc phục hạn chế và những khó khăn thì sẽ tự tạo cho mình một đà để cũng bước tiến lên.

Để có thể cạnh tranh với đối thủ trong nền kinh tế thị trường hiện nay mỗi doanh nghiệp phải có chính sách quản lý tốt. Để công tác quản lý tốt nhất, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đòi hỏi mà quản lý phải sử dụng nhiều sự hỗ trợ khác nhau trong đó công tác kế toán là vô cùng quan trọng. Trong công tác kế toán thì việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp cho việc quản lý tài chính cũng cập thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình để hòa nhập nhanh nhất với sự phát triển của xã hội.

3.3. Yêu cầu và phương pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán.

- Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua phải đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán, kịp thời phản ánh các hoạt động tài chính trong công ty, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ, không cung cấp kịp thời cho như cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Nếu thông tin không được cung cấp kịp thời có thể gây ảnh hưởng đến việc xử lý các tình huống xấu có thể xảy ra trong doanh nghiệp, còn đối với các đối tượng quan tâm đến doanh nghiệp như ngân hàng...mà không được cung cấp thông tin kịp thời có thể công ty sẽ mất đi cơ hội đầu tư và để lại ấn tượng không tốt cho việc kinh doanh

- Việc cung cấp thông tin kịp thời là rất quan trọng nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

- Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện thì phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất cứ giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán, người mua nào cũng đưa ra cũng phải tính đến những chi phí bỏ ra như: lương nhân viên, chi phí tài chính khách và hiệu quả mang lại từ việc áp dụng nó. Chỉ khi nào hiệu quả mang lại lớn hơn chi phí bỏ ra thì lúc đó phương án mới được thực hiện.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán tài chính của nhà nước, lấy các nghị định thông tư làm trọng tâm. Ngoài ra hoàn thiện công tác kế toán thanh toán phải phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty tạo điều kiện tốt cho việc áp dụng kế toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán nhằm quản lý tốt công nợ tại Công ty TNHH Cảnh Dững

3.4.1. Kiến nghị 1: Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán tại Công ty TNHH Cảnh Dững

- Cơ sở lý luận và sơ sở thực tiễn: Hiện tại công ty TNHH Cảnh Dững vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán xong nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của công ty mất nhất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- Mục tiêu giải pháp: Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu nhập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời

- Cách thức tiến hành giải pháp: Công ty nên mua một phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Vacom, Fast...

+ Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017

Thông tin phần mềm: MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2017 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của tổng cục thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan thuế.
Giao diện phần mềm:

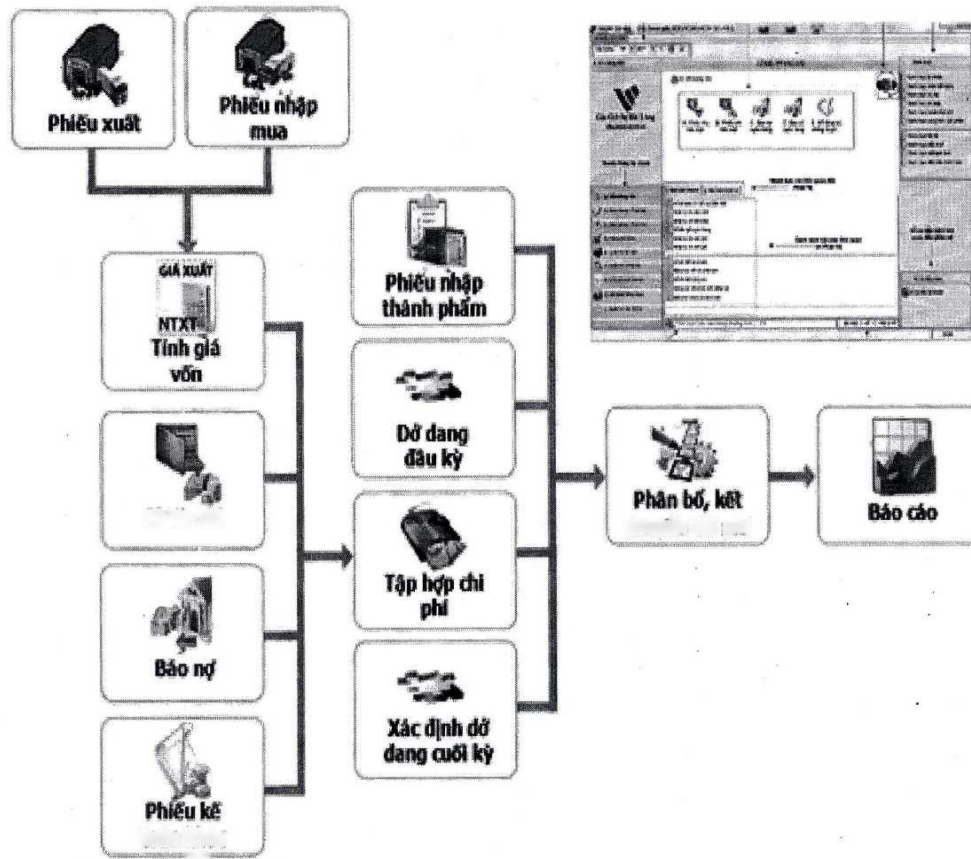


Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty Cổ Phần Misa (MISA JSC)
 Liên hệ: www.misa.com.vn



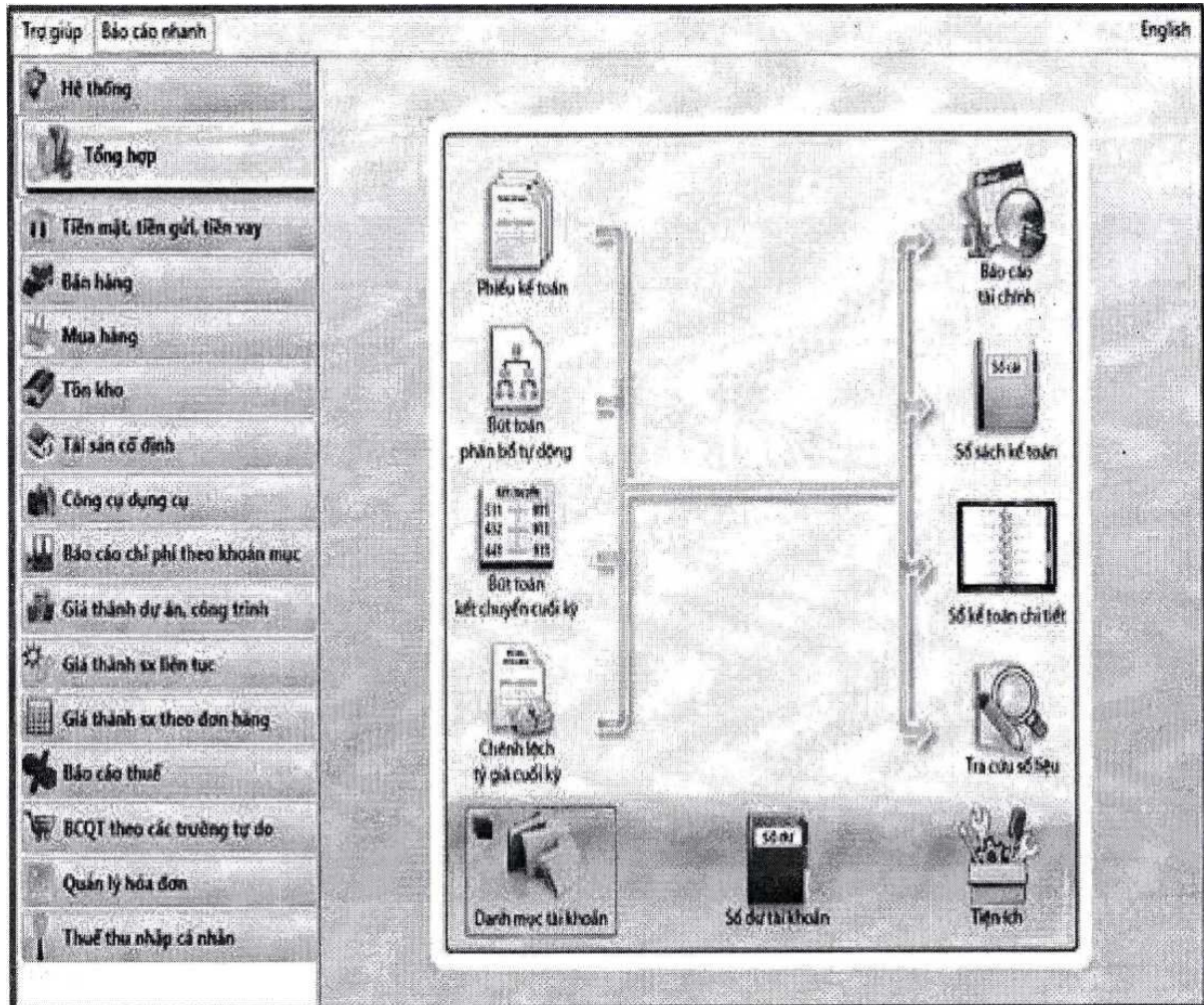
Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán máy VACOM

Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty Cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.

Website: www.vacom.com.vn

+ Phần mềm kế toán Fast accounting

Thông tin phần mềm. Fast accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất...



Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015

Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán Fast accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn

- Hiệu quả mang lại:

+ Với kế toán viên: Không phải thực hiện việc tính toán bằng tay. Không yêu cầu phải nắm vững từng nghiệp vụ chi tiết mà chỉ cần nắm vững được quy trình hạch toán, vẫn có thể cho ra được báo cáo chính xác. Điều rất có ích đối với các kế toán viên mới ra trường chưa có kinh nghiệm nghiệp vụ

+ Với kế toán trưởng: Tiết kiệm thời gian trong việc tổng hợp đối chiếu các sổ sách, báo cáo kế toán. Cung cấp tức thì được bất kỳ số liệu kế toán nào, tại bất kỳ thời điểm nào cho người quản lý khi được yêu cầu.

+ Với ban giám đốc: Có được đầy đủ thông tin tài chính kế toán của doanh nghiệp khi cần thiết để phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư, điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả. Tiết kiệm được nhân lực, chi phí và tăng cường được tính chuyên nghiệp của đội ngũ, làm gia tăng giá trị thương hiệu trong con mắt của đối tác, khách hàng và nhà đầu tư.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về chế độ kế toán áp dụng

- Hiện tại công ty TNHH Cảnh Dũng đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC hết hiệu lực từ 1/1/2017. Vì vậy công ty nên áp dụng thông tư 133/2016/TT-BTC cho phù hợp với chế độ kế toán từ năm tài chính 2017.

- Về chứng từ và sổ kế toán của thông tư 133/2016/TT-BTC thì doanh nghiệp được tự xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán phù hợp với quy định.

- Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản của thông tư 133/2016/TT-BTC:

+ Chỉ quy định nguyên tắc kế toán

+ Không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. Doanh nghiệp tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ miễn sao Báo cáo tài chính đúng.

+ Doanh nghiệp tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí Chế độ quy định

+ Doanh nghiệp được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn nhận từ doanh nghiệp là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu

+ Doanh nghiệp được lựa chọn biểu mẫu báo cáo tài chính theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống...

Thông tư 133	Quyết định 48
Tài khoản đầu 1	
Không có	Tk 1113, 1123: Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý
TK 121: Chứng khoán kinh doanh - 1211: Cổ phiếu - 1212: Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	TK 121: Đầu tư tài chính ngắn hạn
TK128: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - 1281: Tiền gửi có kỳ hạn - 1288: Đầu tư ngắn hạn khác	
TK136: Phải thu nội bộ - 1361: Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc - 1368: Phải thu nội bộ khác	Không có
TK 138: Phải thu khác - 1381: Tài sản thiếu chờ xử lý - 1386: Cầm cố, thế chấp, ký quỹ ký cược - 1388: Phải thu khác	TK138: Phải thu khác - 1381: tài sản thiếu chờ xử lý - 1388: Phải thu khác
Không có	TK 142: Chi phí trả trước ngắn hạn
TK 151: Hàng mua đang đi đường	Không có
Không có	TK171: Giao dịch mua bán lại trái phiếu của Chính phủ
Tài khoản đầu 2	
Không có	TK221: Đầu tư tài chính dài hạn - 2212: Vốn góp liên doanh - 2213: Đầu tư vào công ty liên kết - 2218: Đầu tư tài chính dài hạn khác
TK229: Dự phòng tổn thất tài sản - 2291: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	TK159: Các khoản dự phòng - 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn - 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

- 2292: Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - 2293: Dự phòng phải thu khó đòi - 2294: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho TK229: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
TK 242: Chi phí trả trước	TK242: Chi phí trả trước dài hạn
Không có	TK244: Ký quỹ, ký cược dài hạn
Tài khoản đầu 3	
Không có	TK311: Vay ngắn hạn
Không có	TK315: Nợ dài hạn đến hạn trả
TK336: Phải trả nội bộ	Không có
TK341: Vay và nợ cho thuê tài chính - 3411: Các khoản đi vay - 3412: Nợ thuê tài chính	TK341: Vay, nợ dài hạn - 3411: Vay dài hạn - 3412: Nợ dài hạn
TK 343: Trái phiếu phát hành - 3431: Trái phiếu thường + 34311: Mệnh giá trái phiếu + 34312: Chiết khấu trái phiếu + 34313: Phụ trội trái phiếu - 3432: Trái phiếu chuyển đổi	- 3413: Trái phiếu phát hành + 34131: Mệnh giá trái phiếu + 34132: Chiết khấu trái phiếu + 34133: Phụ trội trái phiếu - 3414: Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn
TK344: Nhận ký quỹ, ký cược	
Không có	TK351: Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm
TK352: Dự phòng phải trả - 3521: Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa - 3522: Dự phòng bảo hành công trình xây dựng - 3523: Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp - 3524: Dự phòng phải trả khác	TK 352: Dự phòng phải trả (không có tài khoản cấp 2)

3.4.3. Kiến nghị 3: Hoàn thiện chính sách về chiết khấu thanh toán

- ❖ Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn: Chiết khấu thanh toán là khoản mà người bán giảm trừ cho người mua khi thanh toán trước thời hạn (không liên quan gì đến

hàng hóa mà chỉ liên quan đến thời hạn thanh toán và thỏa thuận giữa người mua và người bán. Hiện nay dù công ty đã có chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng nhưng công ty chiết khấu còn cứng nhắc và thiếu linh hoạt.

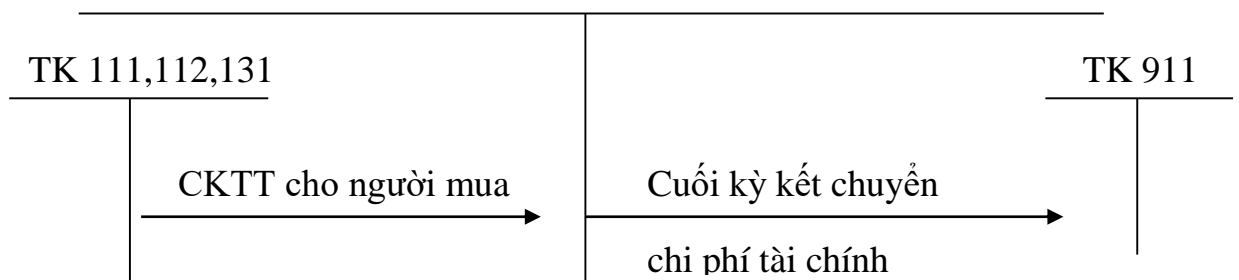
- ❖ Mục tiêu: Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty.
- ❖ Giải pháp: Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên lãi suất gửi tiền ngân hàng mà công ty mở tài khoản, tỷ lệ chiết khấu nên chia thành nhiều mức căn cứ vào số ngày khách hàng thanh toán sớm.

Giả sử tại thời điểm tháng 12 năm 2016, lãi suất tiền gửi ngân hàng tại ngân hàng VP bank là 5,3% năm, thời hạn mà công ty cho khách hàng chậm thanh toán là 30 ngày. Tỷ lệ chiết khấu tính như sau:

Số ngày thanh toán sớm	20 – 30 Ngày	10 – 19 Ngày	1 – 9 Ngày
Tỷ lệ chiết khấu	5,3%/năm	4,5%/năm	4%/năm

- Tài khoản sử dụng: TK 635 “Chi phí tài chính”

TK 635 – Chi phí tài chính



Sơ đồ 3.1: Sơ đồ trình tự hạch toán chiết khấu thanh toán

- Hạch toán chiết khấu thanh toán trả cho khách hàng:

Nợ 635: Số tiền chiết khấu

Có 111,112: Số tiền chiết khấu

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Cảnh Dũng

3.5.1. Về phía nhà nước

- Chính sách quản lý của nhà nước đối với mỗi doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Doanh nghiệp hoạt động hiệu quả thì nguồn thu vào ngân sách cũng sẽ dồi dào vì vậy các cơ quan nhà nước cần tạo điều kiện tốt để doanh nghiệp có thể tự động trong bộ máy quản lý của mình. Nhà nước cần:

+ Hỗ trợ, bảo vệ quyền lợi của Doanh nghiệp trong việc thu hồi các khoản nợ khó đòi.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng một cách có hiệu quả

+ Cung cấp hỗ trợ thông tin về các tổ chức doanh nghiệp trong nước và ngoài nước nhằm giúp doanh nghiệp có định hướng đúng đắn trong việc tìm đối tác kinh doanh

3.5.2. Về phí doanh nghiệp

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành nói riêng.

- Công ty nên tổ chức bộ máy kế toán phù hợp đúng chuẩn mực quy định chung, bộ máy kế toán phải phù hợp với quy mô kinh doanh của công ty, tiết kiệm, hiệu quả

- Bộ máy quản lý đặc biệt là ban lãnh đạo phải luôn nắm bắt xu thế thị trường để đưa ra những chính sách có hiệu quả tốt nhất

- Về nhân sự: Công ty tạo điều kiện cho nhân viên nâng cao năng lực thông qua các khóa học đào tạo quản lý chuyên sâu về công nợ, tiếp cận các chính sách mới của nhà nước,

Các giải pháp trên được áp dụng và thực hiện đúng như những quy định đề ra sẽ giúp cho doanh nghiệp hội nhập và đi theo xu thế chung của kinh tế thị trường. Mang lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán thanh toán với việc tăng cường và quản lý công nợ của mỗi doanh nghiệp là rất cần thiết. Hạch toán đầy đủ và kịp thời, chính xác công nợ phải thu, phải trả phát sinh trong kỳ tạo điều kiện cho nhà quản lý đưa ra các chính sách về tài chính hợp lý, từ đó phân tích đề ra các biện pháp thiết thực để tăng cường và quản lý công nợ. Đó là mục tiêu mà mọi doanh nghiệp hướng tới, là nhân tố quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Cảnh Dững cùng với những kiến thức đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cán bộ kế toán trong công ty đã giúp e học hỏi được nhiều về thực hành kế toán.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán.

- Đã hệ thống hóa lý luận chung về công nợ phải thu, phải trả trong các doanh nghiệp
- Đã phản ánh trung thực, khách quan về thực trạng công tác kế toán thanh toán tại công ty với số liệu năm 2016 minh chứng cho lập luận đưa ra
- Đã đưa ra 1 số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị như:
 - + Kiến nghị 1: Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán tại Công ty TNHH Cảnh Dững
 - + Kiến nghị 2: Về chế độ kế toán áp dụng
 - + Kiến nghị 3: Hoàn thiện chính sách về chiết khấu thanh toán

Với trình độ còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu không nhiều do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý từ phía các thầy cô.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và anh chị phòng kế toán Công ty TNHH Cảnh Dững đã giúp đỡ em trong việc hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Huyền